

TP. HCM, ngày 01 tháng 6 năm 2016

THÔNG BÁO

*V/v chốt danh sách cổ đông để tổ chức
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Hội đồng Quản trị Công ty CP Chíp Sáng trân trọng thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 như sau:

1. Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội: **ngày 02/6/2016.**
2. Ngày tổ chức Đại hội: **14h00 ngày 02/7/2016 (Thứ Bảy).**
3. Địa điểm tổ chức: **Hội trường Nhà khách Người có công**
(số 168 Hai Bà Trưng, Q. 1, TP. HCM)
4. Trường hợp Quý cổ đông không thể tham gia dự họp đề nghị ủy quyền cho người khác tham dự. Khi đến dự họp, Quý cổ đông mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính); đối với trường hợp được ủy quyền, vui lòng mang theo Giấy ủy quyền.
5. Để đảm bảo công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận thông tin tham dự Đại hội hoặc ủy quyền dự họp và gửi về:
 - Công ty CP Chíp Sáng: số 253 Điện Biên Phủ, P. 7, Q. 3, TP. HCM
 - Người liên hệ: **Cô Nguyễn Thị Quỳnh Như** (email: nhuntq@chipsang.vn) qua số điện thoại: 08 3930 1639 hoặc số fax: 08 3930 1636.
6. Thư mời, mẫu giấy ủy quyền sẽ được gửi đảm bảo cho Quý cổ đông qua đường bưu điện. Chương trình và tài liệu đại hội sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.chipsang.vn kể từ ngày 18/6/2016.
7. Thông báo này có thể dùng thay cho Thư mời.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Văn Lý



THƯ MỜI

(Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng trân trọng kính mời Quý cổ đông về tham dự Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016:

1. Thời gian: **14h – 17h ngày 02/07/2016 (Thứ Bảy).**
2. Địa điểm: **NHÀ KHÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG**
(168 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh).
3. Thủ tục tham dự Đại hội:
 - ✓ Cổ đông là cá nhân: khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời và giấy CMND (nếu là cá nhân mang quốc tịch Việt Nam) hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân mang quốc tịch nước ngoài).
 - ✓ Cổ đông là pháp nhân: khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo thư mời và giấy giới thiệu để Công ty đối chiếu danh sách cổ đông.
 - ✓ Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, vui lòng điền vào giấy ủy quyền theo mẫu kèm theo hoặc được đăng tại trang web của Công ty (www.chipsang.vn).
4. Nội dung chương trình Đại hội dự kiến:
 - ✓ Báo cáo tổng kết năm 2015 và mục tiêu, định hướng năm 2016 của Hội Đồng Quản trị.
 - ✓ Báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 của Tổng Giám đốc.
 - ✓ Báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty của Ban Kiểm soát năm 2015.
 - ✓ Báo cáo các nội dung xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông:
 - Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2015
 - Kế hoạch Kinh doanh năm 2016.

- Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016.
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2016.
- Bầu HĐQT nhiệm kỳ (2016-2021)
- Một số vấn đề khác (nếu có)

5. Tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ: vui lòng xem tại trang web của Công ty (www.chipsang.vn) từ ngày 18/06/2016.

6. Để tiện cho việc sắp xếp tổ chức và đón tiếp, Quý cổ đông vui lòng xác nhận thông tin tham dự Đại hội qua điện thoại/email/gửi thư/fax giấy uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ trước 17h00 ngày 30/06/2016.

- Người phụ trách: Nguyễn Thị Quỳnh Như – TP Kế toán
- Điện thoại: (08) 3930 1639
- Số fax: (08) 39301636
- Email: nhuntg@chipsang.vn

Rất mong Quý Ông/Bà sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để Đại hội đạt kết quả tốt.

Trân trọng kính mời.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lương Văn Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày tháng năm 2016

GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chíp Sáng

I. Bên ủy quyền:

Tôi tên:
CMND số:
Cấp ngày: tại:
Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty CP Chíp Sáng

II. Bên được ủy quyền: (vui lòng đánh dấu chéo "X" để chọn)

- ☐ Ông Lương Văn Lý – Chủ tịch HĐQT
☐ Ông Trần Thiện Tứ – Ban cố vấn.
☐ Khác: (vui lòng điền thông tin bên dưới)

Họ và tên:
Điện thoại:
Số CMND/Hộ chiếu:
Ngày cấp: Nơi cấp:

Bên ủy quyền và bên được ủy quyền đồng ý với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung ủy quyền

Bên được ủy quyền sẽ được đại diện số cổ phiếu mà Bên ủy quyền hiện đang nắm giữ (tại ngày đăng ký cuối cùng 30/06/2016) để tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Điều 2: Trách nhiệm

Bên ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền này và không có bất kỳ ý kiến phản đối nào về số lượng cổ phiếu đang sở hữu.

Bên được ủy quyền cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định tại điều 1 của giấy ủy quyền này và không được ủy quyền cho người khác.

Điều 3: Thời hạn

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 kết thúc. Trường hợp ĐHĐCĐ lần 1 có tỷ lệ tham dự không đủ điều kiện tổ chức Đại hội, thì Giấy ủy quyền này có giá trị cho các lần họp tiếp sau.

Bên được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự bằng cách cắt trang này điền đầy đủ thông tin và gửi bằng đường bưu điện hoặc fax về Công ty CP Chíp Sáng.

THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Kính gửi: Ông/Bà «HỌ_VÀ_TÊN»

Mã cổ đông: «MÃ__CỔ_ĐÔNG»

Địa chỉ: «ĐỊA_CHỈ_LIÊN_LẠC»

Điện thoại: «ĐIỆN_THOẠI_LIÊN_HỆ»



GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v: tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)

Mã cổ đông: «MÃ__CỔ_ĐÔNG»

Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự.

Vui lòng cắt trang này, điền đầy đủ thông tin (ở mặt sau) và gửi bằng đường bưu điện hoặc fax về:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

253 Điện Biên Phủ, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (084) 08 39301639- Fax: (084) 08 39301636

Website: www.chipsang.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2016

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng thống nhất ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (“Đại hội”) của Công ty Cổ phần Chíp Sáng (“Công ty”) với các nội dung như sau:

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích tài liệu và phạm vi áp dụng

- 1.1. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của những người tham gia Đại hội và điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.2. Cổ đông và những người tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Điều kiện tham dự họp Đại hội của cổ đông

- 2.1. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông ngày 02 tháng 06 năm 2016 đều có quyền tham dự họp Đại hội. Cổ đông có quyền ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, tuy nhiên để đảm bảo tính tập trung, mỗi cổ đông chỉ được phép ủy quyền cho một người. Người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác.
- 2.2. Cổ đông là pháp nhân tham dự họp Đại hội thông qua người đại diện theo pháp luật của mình hoặc ủy quyền cho người khác dưới hình thức văn bản. Văn bản ủy quyền trong trường hợp này phải được ký và đóng dấu bởi người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân.
- 2.3. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền khi tham dự Đại hội phải:
 - Mang theo giấy tờ tùy thân hợp lệ (CMND, Hộ chiếu...), Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (trong trường hợp đại diện ủy quyền);
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức;
 - Nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

Các cổ đông khi có đủ điều kiện tham dự Đại hội được bảo đảm các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội

4.1. Đoàn Chủ tọa Đại hội, gồm 03 đến 05 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Thư ký do Ban Tổ chức Đại hội đề cử và Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa là:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Chủ trì các cuộc thảo luận tại Đại hội;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do đại biểu và Đại hội yêu cầu.

4.3. Đoàn Chủ tọa có quyền hoãn hay dừng Đại hội tùy tình hình thực tế của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.4. Quyết định của Đoàn Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.5. Đoàn Chủ tọa có quyền tiến hành các biện pháp mà Đoàn Chủ tọa thấy là cần thiết để tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông/đại diện cổ đông tham dự.

4.6. Ban Thư ký thực hiện các công việc theo sự phân công của Đoàn Chủ tọa, ghi chép đầy đủ và chính xác các nội dung của Đại hội vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

5.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban kiểm soát Công ty đề cử và lựa chọn.

5.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ:

- Tiếp nhận và kiểm tra tư cách cổ đông đến họp;

- Lập Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 6.1. Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không phải là các ứng viên có tên trong danh sách bầu cử vào Hội đồng Quản trị hay Ban Kiểm soát Công ty.
- 6.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
- Xác định, lập Biên bản tỷ lệ số cổ phần biểu quyết đồng ý/không đồng ý/không có ý kiến đối với từng vấn đề thảo luận tại Đại hội;
 - Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội kết quả bầu cử;
 - Giao Biên bản và toàn bộ số phiếu ghi nhận biểu quyết cho Đoàn Chủ tọa.
- 6.3. Ban Kiểm phiếu hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm tra, lập Biên bản và về kết quả kiểm phiếu mà Ban Kiểm phiếu công bố cho Đại hội..

Điều 7: Phát biểu ý kiến trong cuộc họp Đại hội

Việc phát biểu ý kiến của cổ đông tại Đại hội thực hiện theo các nguyên tắc như sau:

- Ý kiến sẽ được phát biểu trong phần thảo luận của Đại hội và cần tập trung vào những nội dung nằm trong chương trình nghị sự của Đại hội.
- Khi phát biểu ý kiến, cổ đông giơ phiếu biểu quyết và tự giới thiệu họ tên, mã số cổ đông. Khi được Đoàn Chủ tọa Đại hội mời phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn để dành thời gian cho người phát biểu sau mình.

Trường hợp không đủ thời gian để thảo luận tại Đại hội, cổ đông đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi đến Đoàn Chủ tọa thông qua Thư ký Đại hội.

PHẦN II: BIỂU QUYẾT

Điều 8: Phiếu biểu quyết

- 8.1. Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát hành theo mẫu in sẵn, có đóng dấu của Công ty. Phiếu biểu quyết ghi rõ tên cổ đông, mã số cổ đông và số cổ phần biểu quyết.
- 8.2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ nếu:
- Không do Ban Tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu quy định;

- Không có đóng dấu của Công ty bên góc trái phía trên của Phiếu;
- Rách, không có đầy đủ hoặc tẩy xóa các thông tin như Điều 8.1;

Điều 9: Phương thức biểu quyết

- 9.1. Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách giơ cao phiếu biểu quyết với mặt trước phiếu biểu quyết hướng về phía Chủ tọa Đoàn.
- 9.2. Quyền biểu quyết của cổ đông tương ứng với số cổ phần do cổ đông sở hữu.
- 9.3. Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp cổ đông đến muộn, thì hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 9.4. Trường hợp cổ đông ra về trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết, thì phiếu biểu quyết của đại biểu cổ đông đó được tính vào tỷ lệ tán thành với các vấn đề Đại hội đưa ra biểu quyết.
- 9.5. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết bao gồm số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến được Đoàn Chủ tọa công bố trước Đại hội.

Điều 10: Điều kiện thông qua nội dung biểu quyết

- 10.1. Ngoại trừ các nội dung được quy định trong Điều 10.2, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi số phiếu biểu quyết đồng ý đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông/đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- 10.2. Đối với các nội dung liên quan đến: sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; sẽ chỉ được thông qua khi số phiếu biểu quyết đồng ý đại diện ít nhất 75% số cổ phần của các cổ đông/đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

PHẦN III: BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT **NHIỆM KỲ III**

Điều 11: Đề cử ứng viên

- 11.1. Việc một cá nhân được đề cử vào danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

11.2. Trong trường hợp danh sách ứng viên được cổ đông đề cử không đủ người để bầu vào Hội đồng quản trị hay Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị Công ty sẽ đề cử bổ sung cho đủ số thành viên Hội đồng quản trị hay Kiểm soát viên do Đại hội quy định.

Điều 12: Phương thức bầu cử

Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát, và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hay một số ứng cử viên.

Ví dụ: Đại hội đồng cổ đông bầu chọn năm (05) thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số tám (08) ứng viên. Cổ đông Trần Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Khi đó, tổng số phiếu bầu của cổ đông Trần Văn A là:

$$1.000.000 \times 05 = 5.000.000 \text{ phiếu bầu}$$

Cổ đông Trần Văn A có thể bầu dồn phiếu theo một trong những phương thức sau:

1. Dồn hết 5.000.000 phiếu bầu của mình cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT; hoặc
2. Chia đều 5.000.000 phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên HĐQT (có nghĩa là mỗi ứng cử viên sẽ nhận được 1.000.000 phiếu bầu của cổ đông Trần Văn A); hoặc
3. Phân bổ 5.000.000 phiếu bầu của mình cho một số ứng cử viên thành viên HĐQT (ví dụ là 03 ứng viên) bằng cách chia nhỏ 5.000.000 phiếu bầu cho từng ứng cử viên theo những tỷ lệ khác nhau, nhưng tổng số phiếu bầu cho những ứng viên đó không vượt quá 5.000.000 phiếu bầu của cổ đông.

Điều 13: Phiếu bầu cử và các trường hợp không hợp lệ

13.1. Phiếu bầu cử và cách ghi

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, có đóng dấu (treo) của Công ty và có ghi tổng số phiếu bầu theo mã số cổ đông;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu cử Hội đồng Quản trị và phiếu bầu cử Ban Kiểm soát theo mã số cổ đông;

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu cử khác. Khi đó, cổ đông sẽ ký tên vào phiếu bầu cử bị sai, Ban Kiểm phiếu thu hồi phiếu sai, lập danh sách có ký tên của người đề nghị đổi phiếu và đổi lại phiếu bầu cử mới có xác nhận của Ban Kiểm phiếu cho cổ đông;
- Cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên bằng số tuyệt đối vào ô trống bên cạnh tên của ứng cử viên đó trên phiếu bầu;

13.2. Phiếu bầu cử được coi là không hợp lệ khi có một trong những điều kiện sau:

- Không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu Công ty;
- Bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên của ứng cử viên không đúng, hoặc không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Không còn nguyên vẹn;
- Có tổng số phiếu bầu cho những ứng viên vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu bầu cử;
- Thể hiện phiếu bầu theo tỷ lệ %.

Điều 14: Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của đại diện các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất, và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 15: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

15.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu, nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm:

- Tổng số cổ phần đại diện cho cổ đông có quyền bầu cử;
- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
- Tỷ lệ số phiếu bầu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu bầu của cổ đông dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu);
- Số lượng và tỷ lệ phiếu bầu cử hợp lệ, phiếu bầu cử không hợp lệ;

- Số lượng và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS;
- Danh sách thành viên HĐQT/BKS trúng cử.

15.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 16: Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

16.1. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên đã quy định.

16.2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 17: Khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

PHẦN IV. NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Điều 18: Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản đại hội. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Công ty.

Điều 19: Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 07 trang 19 Điều, có hiệu lực áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Chíp Săng.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LƯƠNG VĂN LÝ

THÔNG BÁO CỦA BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016 (KÈM THƯ MỜI DỰ ĐHĐCĐ)

- Do trong chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016 của Công ty CP Chíp Sáng có mục bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) cho nhiệm kỳ mới;
- Để việc bầu HĐQT và BKS đạt kết quả, Ban Tổ chức xin phép lưu ý quý Cổ đông một số quy định như sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.
[Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty Chíp Sáng]

2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.*[Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014]*
- Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty
[Khoản 8 Điều 24 Điều lệ Công ty Chíp Sáng].

3. Thành viên HĐQT độc lập

Theo Điểm (a) Khoản 1 Điều 134, Luật Doanh nghiệp 2014, Công ty Chíp Sáng tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình “Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc” nên không bắt buộc phải có thành viên HĐQT độc lập. Thực tế, từ trước đến nay, công ty không có thành viên HĐQT độc lập đúng theo quy định của pháp luật.

4. Số lượng kiểm soát viên

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. *[Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty Chíp Sáng]*. Trước nay, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 Kiểm soát viên.
- Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty *[Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty Chíp Sáng]*

5. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

[Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014]

6. Quyền và thể thức đề cử ứng viên vào HĐQT và BKS

• Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử hai thành viên; từ trên 30% đến 50% được đề cử ba thành viên; từ trên 50% đến 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ trên 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

[Khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty Chíp Sánh]

• Ban Kiểm soát

Cổ đông nắm giữ đến 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử hai thành viên; từ trên 30% đến 50% được đề cử ba thành viên; từ trên 50% đến 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ trên 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

[Khoản 2 Điều 35 Điều lệ Công ty Chíp Sánh]

• Lưu ý bổ sung

Cổ đông/Nhóm cổ đông đề cử ứng viên vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về những ứng viên do mình đề cử. Việc đề cử ứng viên có thể thực hiện cho đến trước lúc tiến hành bầu nhưng phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định về số lượng cổ phần mà người đề cử nắm giữ và về số lượng ứng viên được đề cử tùy theo thẩm quyền của người đề cử. Ban Tổ chức sẽ là người tiến hành kiểm tra việc thực hiện các điều kiện này.

7. Phương thức bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

[Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014]

8. Bổ sung cho đủ số thành viên HĐQT quy định

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

[Khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty Chíp Sáng]

9. Thông tin về danh sách cổ đông công ty

Để chuẩn bị cho việc đề cử ứng viên vào HĐQT và/hoặc Ban Kiểm soát, cổ đông có thể cần tham khảo danh sách cổ đông của Công ty. Về vấn đề này các quy định hiện hành là như sau:

- Theo **Luật Doanh nghiệp 2014**, cổ đông phổ thông có quyền:
Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác
[Điểm (đ), Khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014];
- Theo **Điều lệ Công ty**:
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 (nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng) và Điều 35.2 (như quy định tại Điều 24.3) của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông,..... Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
[Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty]
- **Lưu ý bổ sung:**
Để thuận tiện cho cổ đông và tạo điều kiện cho Ban Tổ chức phục vụ cổ đông tốt hơn, đề nghị quý Cổ đông thực hiện việc tham khảo danh sách cổ đông vào hai ngày 14 và 15/06/2016, sáng từ 09g00 đến 11g00, chiều từ 14g00 đến 16g00. Vào những ngày đó Công ty sẽ bố trí nhân viên hỗ trợ quý Cổ đông;
- Để tránh xâm phạm quyền riêng tư của cổ đông, thông tin do Công ty cung cấp chỉ bao gồm tên họ và số cổ phần mà mỗi cổ đông nắm giữ tại Công ty;

Ngày 06 tháng 06 năm 2016
Trưởng Ban Tổ chức ĐHĐCĐ 2016


LƯƠNG VĂN LÝ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình bày: Mr. Lương Văn Lý – Chủ tịch HĐQT

Tháng 07/2016

NỘI DUNG

I. Thông tin cổ đông

II. Tình hình tài chính tổng quát

III. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

IV. Những hoạt động và thay đổi trong năm

V. Định hướng phát triển 2016



I. Thông tin cổ đông

✓ Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Vốn điều lệ: 80.290.800.000 đồng
- Vốn góp trong kì: 0 đồng
- Vốn cuối kì : 80.290.800.000 đồng
- Cổ phiếu quỹ: 1.114.061 cổ phần.

✓ Thông tin cổ đông:

- Số lượng cổ đông hiện tại: 493 cổ đông, trong đó:
 - Cổ đông là Pháp nhân: 05 cổ đông với 1.381.044 cổ phần, chiếm 19,97% tổng số cổ phần Công ty, gồm:

STT	Đơn vị	Số Lượng CP
1	Liên Hiệp HTX-TM TP.HCM Saigon Coop	988.044
2	Công ty CP Tập Đoàn Thiên Long	152.000
3	Công ty CP Đầu tư Địa ốc Ôtô Phương Trang	140.000
4	Công ty TNHH Vi mạch điện tử Việt VMicro LED	100.000
5	Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh VLXD Fico	1.000

I. Thông tin cổ đông

- Cổ đông là người nước ngoài: 06 cổ đông (Quốc tịch Nhật) với 98.000 cổ phần, chiếm 1,41 % tổng số cổ phần Công ty.

✓ Tình hình chuyển nhượng trong năm 2016

- Tổng số giao dịch: 03 giao dịch
- Số CP được giao dịch: 45.000 CP
- Tỷ lệ %/Tổng số CP Công ty: 0,65 %

✓ Tỷ lệ cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Liên Hiệp HTX-TM TP.HCM (Đ/d : Ô Nguyễn Anh Đức)	988.044	14,29%
2	Ông Nguyễn Quốc Hùng	140.560	2%
3	Bà Lê Thị Thanh Phương	26.700	0,38%
4	Ông Nguyễn Chánh Khê	46.800	0,68%
	Tổng cộng	1.202.104	17,35%

II. Tình hình tài chính tổng quát

Một số chỉ tiêu tổng quát theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
Tổng giá trị tài sản	70.761.099.306	72.587.581.122
- Tài sản ngắn hạn	23.426.296.350	24.698.017.287
- Tài sản dài hạn	47.334.802.956	47.889.563.835
Tổng nguồn vốn	70.761.099.306	72.587.581.122
- Nợ phải trả	12.452.312.805	9.264.403.456
- Vốn chủ sở hữu	58.308.786.501	63.323.177.666
- Lợi ích CĐ thiểu số	542.242.130	719.622.260
Lợi nhuận trước thuế	(6.471.453.403)	(5.109.084.433)

III. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Một số chỉ tiêu tổng quát theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% thực hiện/KH
Tổng doanh thu	31.783	20.795	65%
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	30.900	19.484	63%
- Doanh thu hoạt động tài chính	883	789	89%
- Lợi nhuận khác	0	522	
Chi phí	33.124	27.267	82%
- Giá vốn hàng bán	21.719	17.271	80%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.853	5.978	87%
- Chi phí tài chính	195	228	117%
- Chi phí bán hàng	2.200	1.632	74%
- Lỗ trong công ty LD LK	2.158	2.158	100%
Lợi nhuận trước thuế	(1.342)	(6.471)	

IV. Những hoạt động và thay đổi trong năm

- Trong năm 2015, thông qua 07 cuộc họp và các hình thức trao đổi thông tin qua email, điện thoại..., HĐQT đã:

- Thường xuyên và liên tục theo dõi công việc kinh doanh của công ty và hoạt động của Ban Điều hành công ty;
- Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Do vậy, HĐQT và trước hết là Chủ tịch HĐQT xin nhận phần trách nhiệm của mình đối với việc kết quả kinh doanh của công ty không đạt kế hoạch đề ra như trên đã báo cáo.

IV. Những hoạt động và thay đổi trong năm

- **HĐQT nghiêm khắc tự phê bình về những thiếu sót của mình đối với các vấn đề sau:**
 - Chưa có sự chỉ đạo đầu tư (nhân lực, vật lực) phù hợp vào những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, mang tính chiến lược.
 - Chưa có sự hỗ trợ phù hợp trong việc quan hệ, xúc tiến với khách hàng / đối tác truyền thống cũng như tiềm năng.

V. Định hướng phát triển 2016

Xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là giải pháp công nghệ

Tiếp tục duy trì hợp lý các dự án “Lấy ngắn nuôi dài”

Xử lý các vấn đề tồn đọng trong các công ty liên kết

Tìm và triển khai thận trọng dự án đầu tư mới khi có cơ hội

- Sắp xếp lại tổ chức;
- Tăng cường nhân lực về số lượng và năng lực



V. Định hướng phát triển 2016

1. Giải pháp chiếu sáng tiết kiệm năng lượng:

- ✓ Biến hoạt động TKNL thành hoạt động dẫn đầu về mặt doanh thu của Công ty
- ✓ Xây dựng Chíp Sáng thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực tại Việt Nam.



V. Định hướng phát triển 2016

2. Thương mại (Phân phối hàng công nghệ):

- ✓ Tiếp tục duy trì hoạt động trong lĩnh vực này để tạo doanh thu bổ sung cho công ty;
- ✓ củng cố quan hệ với các kênh phân phối hợp tác xưa nay; tìm kênh phân phối mới. Thử nghiệm kênh phân phối qua mạng của chính công ty;
- ✓ Đa dạng hóa cơ cấu mặt hàng, xuất xứ sản phẩm và khai thác phân khúc khách hàng thu nhập trung bình.



V. Định hướng phát triển 2016

3. Văn phòng cho thuê:

Tòa nhà 253 Điện Biên Phủ:

- Tiến hành các công việc sửa chữa, nâng cấp cần thiết để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tòa nhà và tiện nghi thích hợp cho khách hàng thuê tòa nhà;
- Đặc biệt chú trọng đến chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng để nâng cao tính cạnh tranh của tòa nhà so với những cao ốc văn phòng tương đương.



V. Định hướng phát triển 2016

4. Liên doanh Sacom – Chíp Sáng (SCS):

- ✓ Ủng hộ các nỗ lực của ban Điều hành mới nhằm giảm thiểu chi phí hoạt động và đẩy mạnh tiếp thị tòa nhà.
- ✓ Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị của Sacom nhằm đưa ra phương án kinh doanh có hiệu quả nhất cho liên doanh.

V. Định hướng phát triển 2016

5. Liên doanh Chíp Sáng và Ashmanov (CSA):

- ✓ Trong năm 2016, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo CSA hoạt động theo hướng:
 - Tối ưu hóa chi phí vận hành, cân đối với nguồn thu.
 - Khai thác hướng cho thuê khai thác hệ thống quảng cáo trực tuyến NORON.VN.
 - Tìm đối tác hợp tác / chuyển nhượng dịch vụ lọc web REMPARO.
 - Cân nhắc việc giải thể CSA và thanh lý hợp đồng liên doanh.

V. Định hướng phát triển 2016

6. Công ty Bán dẫn Việt Nam (VSMC):

- ✓ Tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu phương án giải thể VSMC và thanh lý hợp đồng liên doanh.

V. Định hướng phát triển 2016

7. Các dự án đầu tư khác:

- ✓ Tìm và triển khai dự án đầu tư mới trong lĩnh vực cốt lõi đã xác định với hình thức và quy mô thích hợp để tối ưu hóa hiệu quả và tối thiểu hóa rủi ro.



**CẢM ƠN SỰ THEO DÕI
CỦA QUÝ VỊ**



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trình bày: **Lương Văn Lý – Tổng giám đốc**

Tháng 07/2016

Nội dung

Hoạt động 2015



- ☐ Công tác nhân sự
- ☐ Kết quả kinh doanh 2015
- ☐ Một số kết quả
- ☐ Nguyên nhân yếu kém

Kế hoạch 2016



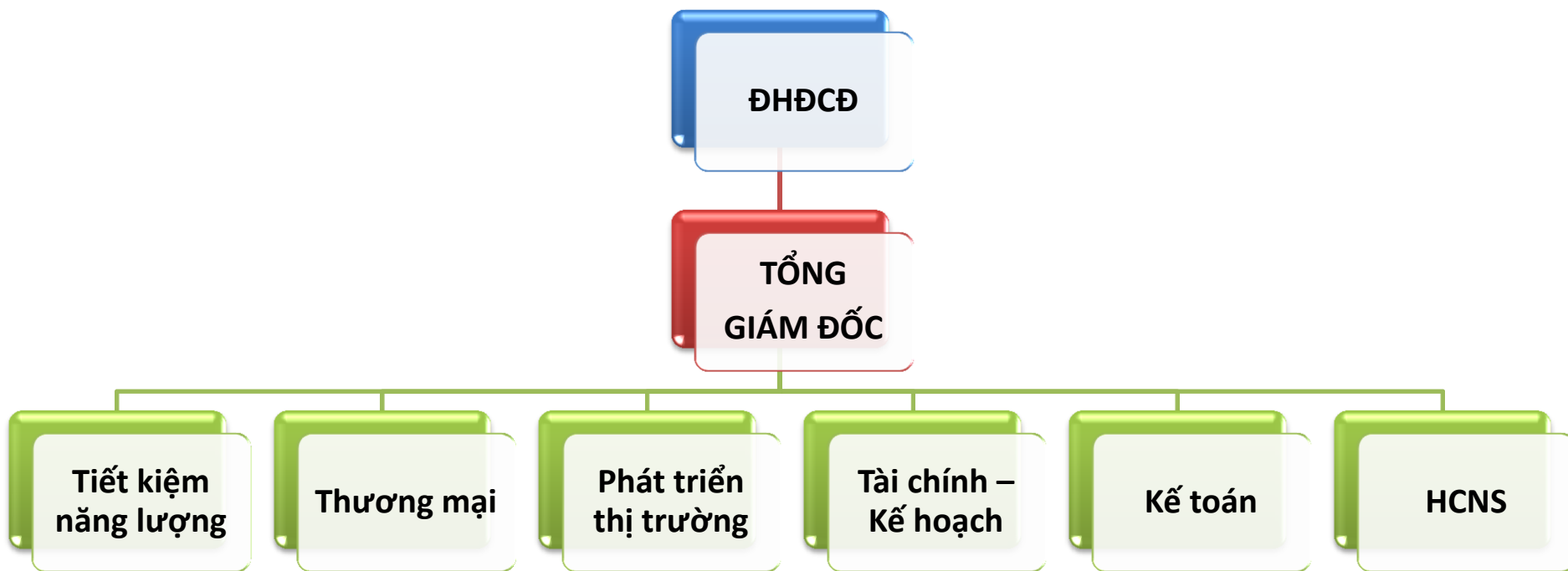
- ☐ Nhiệm vụ chiến lược
- ☐ Mục tiêu
- ☐ Biện pháp trọng điểm
- ☐ Chỉ tiêu tài chính

I. Công tác nhân sự & tổ chức

- Bổ nhiệm ông Lương Văn Lý làm TGD kể từ ngày 01/10/2015.
- Bổ nhiệm ông Vũ Khải Hưng làm Phó TGD kể từ ngày 01/10/2015.
- Cơ cấu nhân sự:
 - Số lượng CBNV là 22 người, bao gồm: 3 Thạc sỹ, 13 Cử nhân ĐH, 4 Cử nhân CĐ, 2 THPT.
 - Độ tuổi trung bình: 32 tuổi.



I. Công tác nhân sự & tổ chức

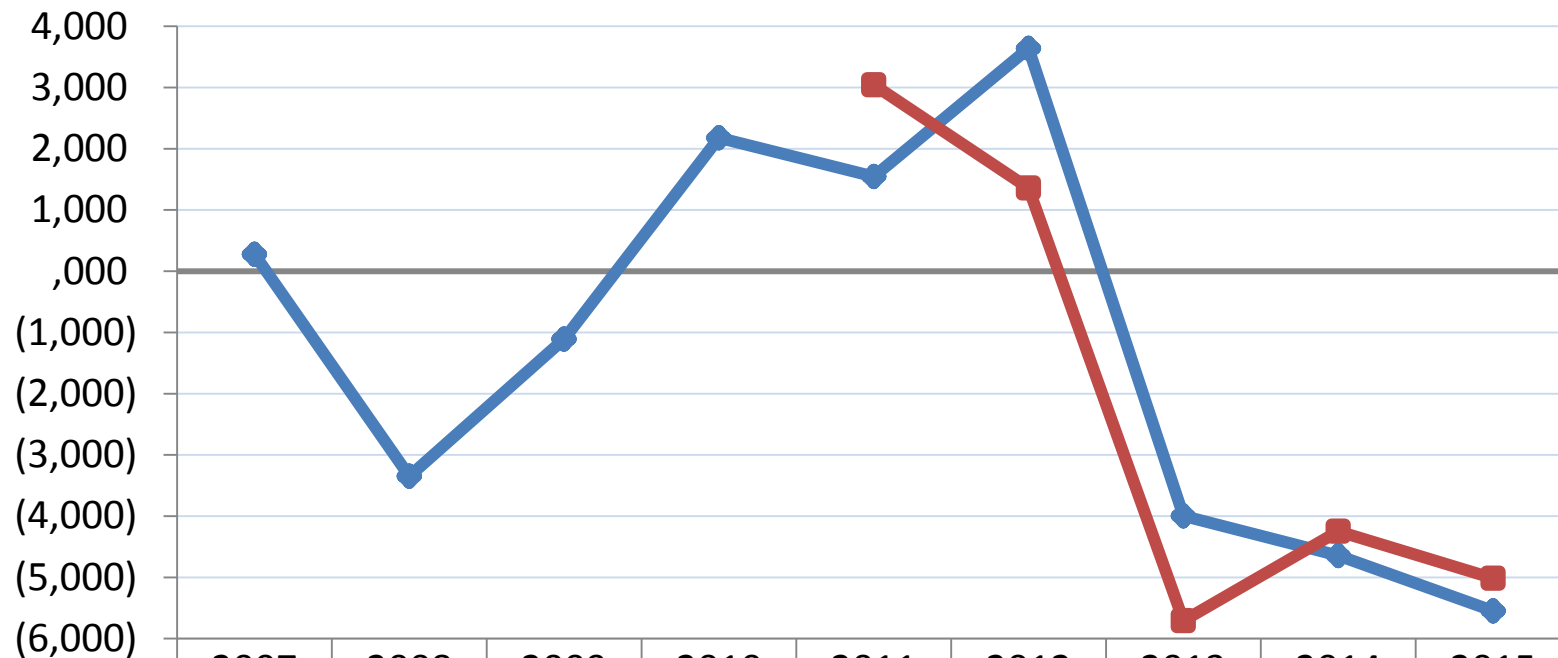


II. Kết quả hoạt động kinh doanh 2015 (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ TH 2015/2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	28.553.690.608	19.562.549.420	69%
Các khoản giảm trừ	657.861.985	79.015.462	12%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	27.895.828.623	19.483.533.958	70%
Giá vốn hàng bán	22.554.560.024	17.270.586.276	77%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	5.341.268.599	2.212.947.682	41%
Doanh thu hoạt động tài chính	951.698.922	789.451.574	83%
Chi phí tài chính	380.526.461	227.723.353	60%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(2.626.743.900)	(2.158.423.128)	82%
Chi phí bán hàng	1.923.525.976	1.631.972.179	85%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.658.284.094	5.977.691.421	90%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.296.112.910)	(6.993.410.825)	132%
Lợi nhuận khác	187.028.477	521.957.422	279%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.109.084.433)	(6.471.453.403)	127%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	(863.188.114)	(1.457.062.239)	169%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(4.245.896.319)	(5.014.391.164)	118%

Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2007-2015

Đvt: tỷ đồng



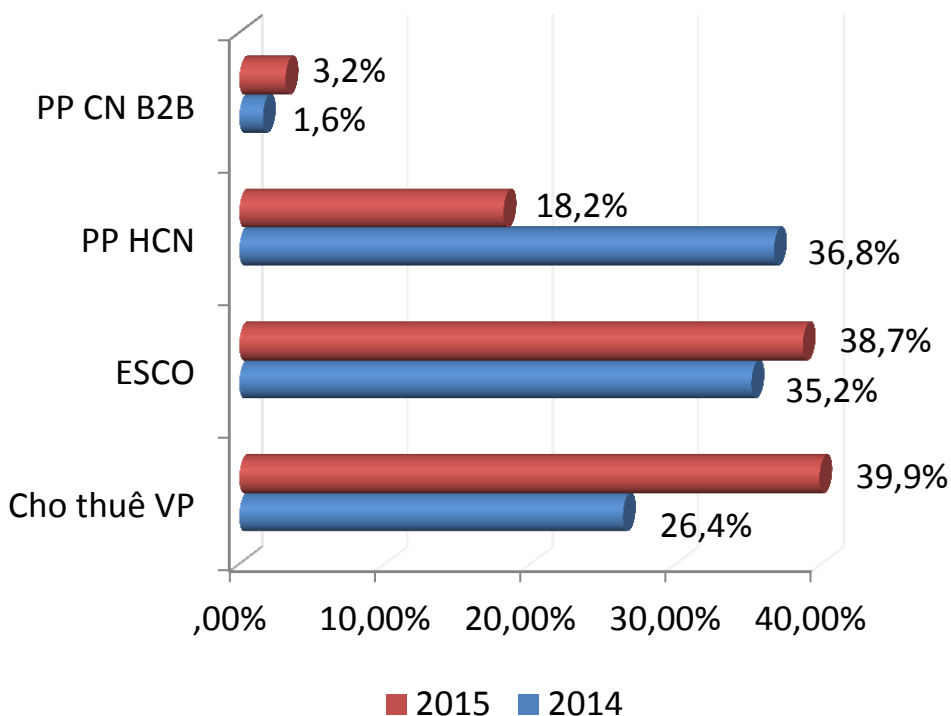
	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
LNST Chip Sảng	,276	(3,347)	(1,110)	2,179	1,546	3,638	(3,996)	(4,645)	(5,547)
LNST Hợp nhất					3,042	1,359	(5,708)	(4,246)	(5,014)

LNST Chip Sảng

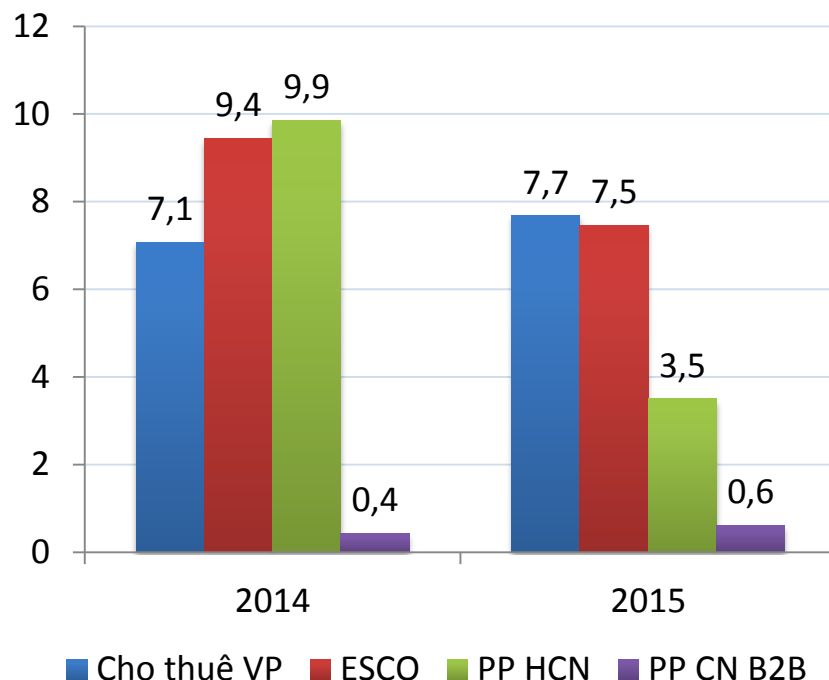
LNST Hợp nhất

SO SÁNH NĂM 2014 VÀ 2015

Cơ cấu doanh thu năm 2014 và 2015



Doanh thu năm 2014 và 2015
ĐVT: Tỷ đồng



III. Một số kết quả đã thực hiện

1. Dịch vụ ESCO:

- ✓ Đã triển khai thành công giải pháp TKNL tại 5 dự án, trong đó dự án lớn nhất là Suntory Pepsico (trực tiếp) và Gemadept (thông qua nhà thầu Mặt Trời Mọc).
- ✓ Tiếp tục khẳng định năng lực của Chíp Sáng trong việc cung cấp giải pháp chiếu sáng tiết kiệm điện. Đây là cơ sở để phát triển những năm sắp tới.
- ✓ Đã chính thức trở thành nhà tích hợp hệ thống EcoExpert của Schneider Electric Việt Nam, chuyên cung cấp các giải pháp giám sát và quản lý năng lượng cho khách hàng.



II. Một số kết quả đã thực hiện

2. Thương mại (Phân phối hàng công nghệ):

- ✓ Mảng phân phối hàng công nghệ đánh dấu sự sụt giảm khá lớn về doanh thu do chậm thích nghi với thị trường về mặt cơ cấu mặt hàng và xuất xứ hàng hóa.



II. Một số kết quả đã thực hiện

3. Cho thuê văn phòng 253-ĐBP:

- ✓ Đến 31/12/2015: Độ phủ đạt 96,6% diện tích cho thuê;
- ✓ Đầu tư bảo trì, sửa chữa hệ thống phát điện, thiết bị phát điện, thiết bị làm lạnh, hệ thống nhà vệ sinh, sắp xếp lại mặt bằng;
- ✓ Nâng cấp dịch vụ, cải tiến công tác chăm sóc khách hàng.

II. Một số kết quả đã thực hiện

4. Liên doanh Sacom – Chíp Sáng:

- ✓ Đến 31/12/2015: độ phủ đạt 25%.
- ✓ Công ty SCS có Tổng Giám đốc mới, đã thực hiện một số biện pháp tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa kinh doanh, hợp lý hóa giá thuê mặt bằng và tiếp thị tòa nhà.

SACOM[®] chipsáng
TRILLANT CHIP JOINT STOCK COMPANY

II. Một số kết quả đã thực hiện

5. Liên doanh Chíp Sáng và Ashmanov (CSA):

- Duy trì khai thác hệ thống quảng cáo trực tuyến NORON.VN.
- Tìm đối tác hợp tác / chuyển nhượng dịch vụ lọc web REMPARO.



III. Nguyên nhân không đạt kế hoạch

- Chỉ tiêu kế hoạch cao do dự báo chưa sát với biến động thực tế thị trường.
- Trích lập dự phòng tài chính cho các công ty con, công ty liên kết, liên doanh cao (3,4 tỷ).
- Tỷ lệ chi phí giá vốn hàng bán cao (88%): do đặc điểm danh mục sản phẩm bị cạnh tranh mạnh về giá trên thị trường, đặc biệt là nhóm hàng gia dụng.
- Phản ứng trước biến đổi thị trường còn chậm: giá bán, mẫu mã.
- Nguồn lực còn hạn chế, đặc biệt là nguồn nhân lực am hiểu ngành nghề hoạt động kinh doanh.
- Quan hệ với đối tác/ khách hàng chưa chặt chẽ.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

Nhiệm vụ chiến lược

- Hạn chế tối đa mức lỗ.
- củng cố mảng kinh doanh cốt lõi
- Cải thiện tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực (nhân lực, tài chính)
- Củng cố quan hệ với khách hàng / đối tác
- Nghiên cứu đầu tư dự án mới một cách thận trọng trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo hiệu quả kinh tế
- Tăng cường khả năng bám sát và thích nghi nhanh với biến động của thị trường
- Nuôi dưỡng văn hoá công ty.

➔ Xây dựng nền tảng hoạt động bền vững cho các năm tiếp theo

Mục tiêu

- ✓ Nâng tỷ lệ doanh thu mảng TKNL từ 20% lên 40% trên tổng doanh thu.
- ✓ Giảm tỷ lệ Chi phí quản lý doanh nghiệp từ ~30% xuống dưới 20% trên tổng doanh thu.

BIỆN PHÁP TRỌNG ĐIỂM

**Xác định phương
hướng kinh doanh:
“Giải Pháp Công Nghệ
Hàng Đầu”**

**Đẩy mạnh công tác
tiếp thị, quảng bá công
ty**

**Chăm sóc khách hàng
cũ
Thu hút khách hàng
mới,**

**Tiếp tục cải tiến tổ
chức để tăng cường
tinh thần trách nhiệm
và hiệu quả của bộ
máy**

Tăng cường đào tạo

**Cải tổ chính sách
thưởng, từng bước
tiến đến mục tiêu
“Thưởng quan trọng
hơn lương”**

**Đa dạng hóa nguồn
cung cấp hàng hóa**

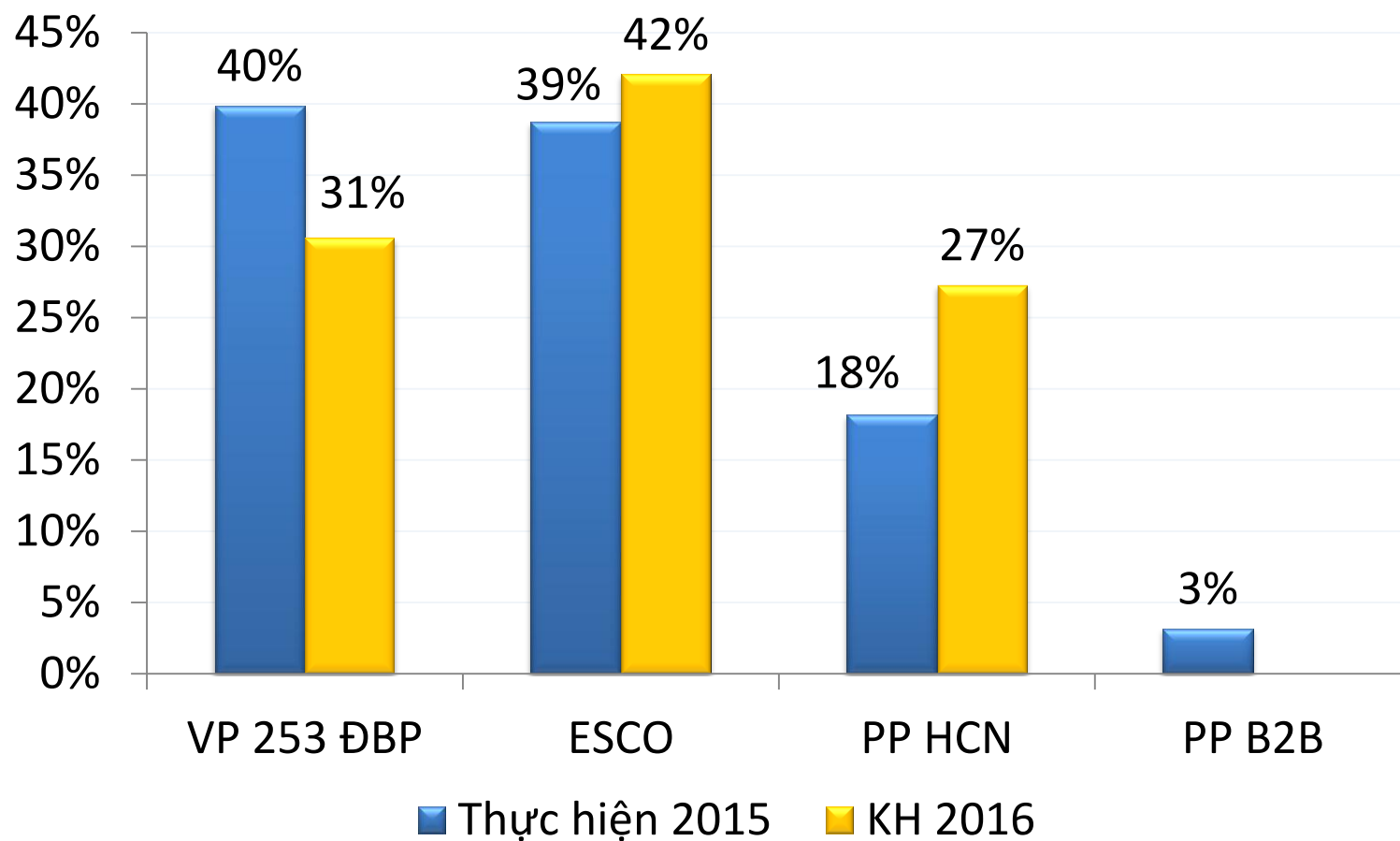
Giảm thiểu chi phí

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2016 (riêng CS)

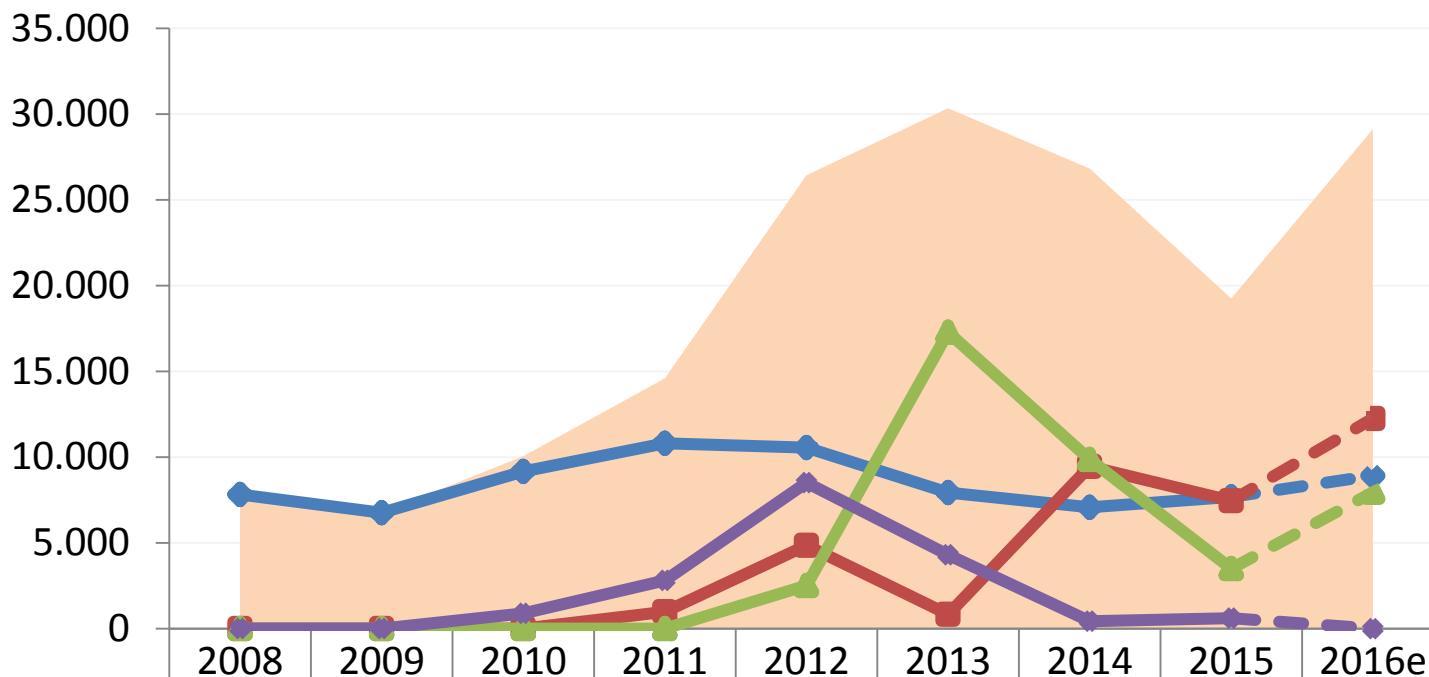
STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2015		KH 2016		KH2016/TH2015
I	Doanh thu bán hàng	19.253.852.357		29.125.800.000		151%
II	Giá vốn hàng bán	17.005.919.793	88%	23.935.187.316	82 %	141%
III	Lợi nhuận gộp	2.247.932.564	12%	5.190.612.684	18 %	231%
V	Doanh thu HĐ TC	942.299.971	5%	591.000.000	2 %	63%
VI	Chi phí tài chính	223.634.751	1%	314.708.333	1 %	141%
VII	Chi phí bán hàng	1.557.552.681	8%	1.516.208.000	5 %	97%
VIII	Chi phí QLDN	5.424.412.957	28%	5.606.368.400	19 %	103%
IX	Lợi nhuận thuần	(4.019.456.456)	(21%)	(1.655.672.049)	(6 %)	41%
X	Thu nhập khác	505.161.234		-		
XI	Chi phí khác	801.021		-		
XII	LN trước thuế	(3.515.096.243)	(18%)	(1.655.672.049)	(6 %)	47%

(*) Chi phí tài chính: chưa bao gồm dự phòng tổn thất đầu tư.

Tỷ lệ Doanh thu các Sản phẩm / Dịch vụ 2016

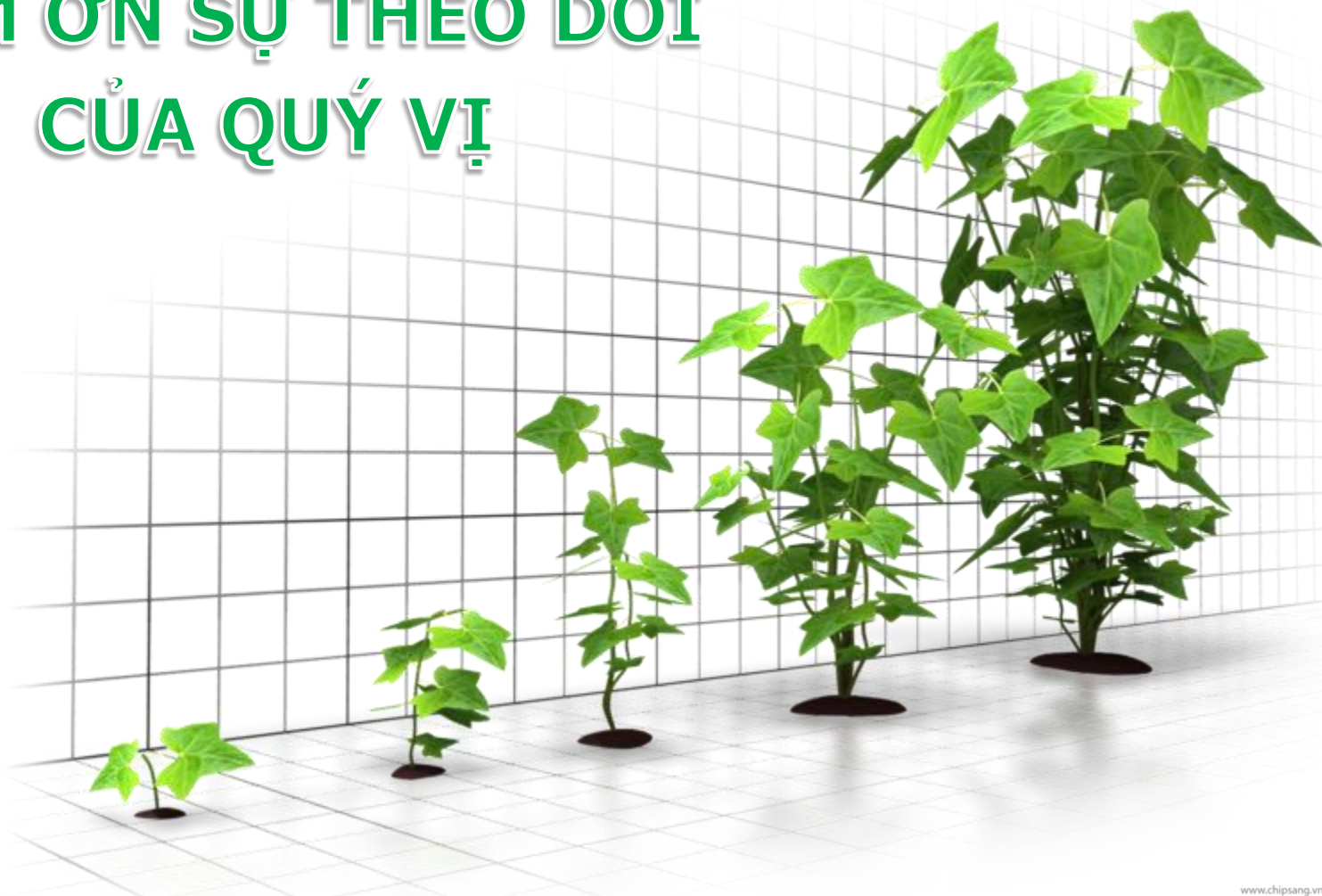


Doanh thu các mảng kinh doanh



TỔNG CỘNG	7.820	6.754	10.053	14.593	26.434	30.343	26.825	19.252	29.126
TÒA NHÀ 253	7.820	6.754	9.164	10.801	10.556	7.928	7.077	7.680	8.921
ESCO	0	0	0	979	4.850	834	9.449	7.460	12.255
THƯƠNG MẠI	0	0	0	0	2.515	17.279	9.863	3.498	7.950
B2B	0	0	889	2.813	8.513	4.303	436	613	0

CẢM ƠN SỰ THEO DÕI CỦA QUÝ VỊ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

BÁO CÁO THẨM TRA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

NĂM 2015 VÀ CUỐI NHIỆM KỲ.

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

Với chức trách và nhiệm vụ được Đại Hội đồng Cổ Đông giao phó, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chíp Sáng đã thực hiện việc kiểm tra và giám sát hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành năm 2015. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát đến tháng 8 năm 2015 chỉ còn 2 Thành viên là ông Phạm Ngọc Tuấn và ông Ngô Quốc Hùng, sau khi Trưởng Ban kiểm soát là bà Nguyễn thị Thúy Hằng đã làm đơn từ nhiệm vào ngày 10/8/2015 vì công việc và lý do sức khỏe.

Năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ như sau:

Tham gia đầy đủ và có ý kiến đóng góp trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện

Nghị quyết Đại hội cổ đông, tuân thủ các qui định của pháp luật, điều lệ và các qui định của Công ty.

Kiểm tra hoạt động của công ty con, công ty liên doanh.

Theo dõi các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, 6 tháng và thẩm định báo cáo tài chính năm 2015 sau kiểm toán.

Ban kiểm soát cũng đã tổ chức gặp Kế toán trưởng công ty để kiểm tra làm rõ các nội dung quan trọng liên quan đến kế toán tài chính.

II. Tình hình quản trị - điều hành của công ty năm 2015

II.1 Công tác quản trị - điều hành của HĐQT & Tổng GD:

Trong năm 2015, công ty đã có những thay đổi thành phần nhân sự cấp cao như sau:

- Ông Lê Huỳnh Lân, phó TGD KD nghỉ việc vì lý do cá nhân vào tháng 10/2014.
- Ông Lâm Chi Thương, giám đốc công ty liên doanh Chip Sang và Asmanov (CSA) xin từ nhiệm vào tháng 9/2015.
- Ông Lương Văn Lý, chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng GD trong thời gian tìm người thay thế ông Nguyễn Quang Trung xin từ nhiệm vào tháng 8/2015.

- Bà Phạm Thị Thanh Thủy thay thế bà Phạm thị Lợi, Tổng giám đốc Công ty liên doanh Sacom – Chip Sáng kể từ 15/8/2015.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tiến hành nhiều cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, quyết định những nội dung quản trị điều hành, cũng như quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chương trình nghị sự của các cuộc họp Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2014, kế hoạch kinh doanh năm 2015; trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- Xem xét và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của từng mảng dịch vụ và có những quyết nghị cụ thể đối với từng mảng dịch vụ.
- Lựa chọn công ty kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2015.
- Bổ nhiệm và thống nhất về việc giải quyết miễn nhiệm một số vị trí chủ chốt trong công ty và các công ty liên doanh liên kết.
- Và quyết nghị một số vấn đề khác liên quan.

Năm 2015, Ban Kiểm soát cũng không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo từ cổ đông và từ trong nội bộ công ty.

II.2 Hoạt động kinh doanh của Chip Sáng và các công ty con, cty liên kết:

(1) Công ty CP Chip Sáng:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2015	So với KH (%)	TH 2014	So với 2014 (%)
Tổng doanh thu	19,33	30,90	62,5	27,48	70,4
<i>Thuê VP 253 DBP</i>	7,68	8,90	86,3	7,08	81,3
<i>Dịch vụ ESCO</i>	7,46	12,00	62,2	9,45	78,9
<i>Hàng Điện gia dụng</i>	3,50	10,00	35,0	10,95	32,0
<i>Hàng CN B2B</i>	0,61	0		0,44	138,6
Lợi nhuận trước thuế	(6,92)	0,57		(5,90)	112,2

- Dịch vụ cho thuê VP tại 253 ĐBP đã mang lại doanh thu và có lợi nhuận, nhưng do giá thuê lại từ SCID theo Hợp đồng mới cao hơn và giá cho thuê không cao hơn trước đây nên lợi nhuận không được như các năm trước, lợi nhuận gộp khoảng 441 triệu cho năm 2015 so với 1,1 tỷ của năm 2014.
- Dịch vụ Esco (bao gồm tư vấn cung cấp giải pháp chiếu sáng tiết kiệm, cung cấp đèn LED và thi công công trình chiếu sáng dùng đèn Led) là mảng kinh doanh trọng yếu của công ty tuy chỉ đạt được 62,2% kế hoạch và chỉ bằng 78,9% so với

năm 2014. Chip Sáng đã thực hiện một số dự án cho các khách hàng lớn từ 3 năm qua. Thương hiệu của Chip Sáng đã được biết đến như một công ty trong lĩnh vực cung cấp giải pháp tiết kiệm năng lượng chiếu sáng. Đây là mảng kinh doanh tiềm năng và có thể là lĩnh vực kinh doanh chính của công ty, chiếm 38,6% doanh số của công ty.

- Mảng kinh doanh hàng điện gia dụng trong năm 2015 chỉ đạt 35% kế hoạch và chỉ bằng 32% năm 2014. Hàng điện gia dụng đang gặp sự cạnh tranh khốc liệt, hàng nhập khẩu hầu hết từ TQ chất lượng sản phẩm không ổn định tiềm ẩn rủi ro cao về công nợ và chi phí bảo hành. Như báo cáo của Ban KS trong ĐHCĐ năm 2015, Ban điều hành cần phân tích và đánh giá lại phương thức quản lý và kinh doanh hàng điện gia dụng.
- Mảng kinh doanh B2B mang lại doanh thu và lợi nhuận không đáng kể.
- Báo cáo kiểm toán của AASC trong năm 2015, lợi nhuận kế toán trước thuế của Chip Sáng lỗ 6.92 tỷ và báo cáo hợp nhất lỗ 6,47 tỷ.

(2) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết :

- **Công ty Liên Doanh Sacom Chíp Sáng (SCS):**

Kết quả kinh doanh năm 2015

như sau:

Chỉ tiêu	T.hiện 2015 (tỷ)	KH 2015 (tỷ)	So với KH (%)	T.hiện 2014 (tỷ)	So với 2014 (%)
Doanh thu thuần	7,80	25,0	31,2	15,81	49,3
DT cho thuê	3.523	9.000	39,1	1.300	271,0
Khấu hao	5,74	8,79	65,30	7,47	76,84
Chi phí tài chính	(3,12)	(3,19)	97,80	(3,54)	88,14
LN trước thuế	(8,22)	0,91		(3,99)	206,0
Lỗ tích lũy	(18,59)			(10,37)	

(* Diện tích kinh doanh tòa nhà SCS là 15.279 m2)

Toà nhà SCS đã chính thức đi vào hoạt động vào ngày 15/8/2012. Cho đến 31/12/2015, tình hình kinh doanh và cho thuê văn phòng trong Khu công nghệ cao vẫn còn khó khăn. Tháng 10/2014, khách hàng lớn FPT, với diện tích thuê khoảng 2.196 M2 chiếm gần 64% diện tích đang cho thuê, đã ngưng thuê tiếp, điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của SCS trong năm 2015. Đến Q.4/2015 dòng tiền của SCS đã dần ổn định, nên không vay tiếp mặc dầu còn hạn mức. Lỗ tích lũy đến năm 2015, năm thứ ba đưa SCS vào hoạt động là 18.595.666.191 đ, khấu hao tích lũy 23,44 tỷ và đang từng bước

giảm bớt vốn vay ngân hàng. Đến 31/12/2015 diện tích cho thuê đạt được 3.523 M2, chiếm 23% và đang có chiều hướng tăng trong 2016.

- **Công ty CP bán dẫn Việt Nam:**

Ban kiểm soát hoàn toàn không thể nắm được tình hình kinh doanh của VSMC vì đơn vị này đã ngưng hoạt động. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn 10,75 tỷ và các khoản nợ khó đòi 3,18 tỷ trong năm tài chính 2012. Việc xử lý, thu hồi nợ từ VSMC xem như không thực hiện được và đến nay vẫn chưa làm thủ tục giải thể công ty VSMC.

- **Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (CSA):**

Năm 2014, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc mới công ty CSA. CSA chủ yếu tập trung vào kinh doanh, nâng chất lượng sản phẩm và dịch vụ và tiết kiệm tối đa chi phí các loại; nhằm mục đích duy trì hoạt động và tìm cơ hội hợp tác để vực dậy hoạt động kinh doanh của CSA. Công tác bán hàng và thương mại hóa các sản phẩm tuy có khá hơn nhưng vẫn chưa đạt được yêu cầu, vẫn còn thua lỗ và hết vốn hoạt động. Đề nghị, HĐQT và Tổng giám đốc công ty có các giải pháp để xử lý hoạt động và phân tích đánh giá tình hình để quyết định sự tồn tại của CSA.

Kết quả kinh doanh của CSA năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	TH 2015	TH 2014
Doanh thu thuần	281.486.601	1.193.513.030
LNTT	(797.934.032)	(1.814.442.486)

II.3 Báo cáo tài chính

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty và thống nhất xác nhận:

Báo cáo kiểm toán độc lập của công ty AASC đối với Chip sang và báo cáo hợp nhất đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.

II.4 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Cổ đông:

- Ban kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm nắm bắt kịp thời tình hình của công ty.

- Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình
- Trong năm, Ban kiểm soát có nhận được những ý kiến và liên lạc, trao đổi với một số cổ đông chủ yếu qua điện thoại về những vấn đề có liên quan đến hoạt động công ty.

III. Báo cáo cuối nhiệm kỳ 2011 -2015

ĐHCĐ năm 2015 là Đại hội cuối nhiệm kỳ 2011 – 2015. Với trách nhiệm của mình Ban KS xin báo cáo các chỉ tiêu quan trọng trong 5 năm vừa qua:

Kết quả kinh doanh (hợp nhất) của công ty 2011 – 2015

Chỉ Tiêu	Đơn vị	2015	2014	2013	2012	2011
Đơn vị kiểm toán		AASC	DTL	DTL	A&C	A&C
Doanh Thu Thuần	tỷ đồng	19,48	27,89	30,65	25,99	14,45
Lợi Nhuận Gộp	tỷ đồng	2,21	5,34	4,25	4,96	3,42
Tỷ lệ LNG/DT	%	11,34	19,15	13,87	19,08	23,67
Chi Phí bán hàng	tỷ đồng	1,63	1,92	2,24	0,22	0,17
Chi phí QLDN	tỷ đồng	5,98	6,66	7,62	6,58	8,19
LN Kế Toán trước Thuế	tỷ đồng	(6,47)	(5,11)	(6,69)	2,71	3,63
LN sau Thuế	tỷ đồng	(5,01)	(4,24)	(5,71)	1,76	3,25
EPS cơ bản	đồng	-699	-556	-705	222	405
Vốn Chủ sở hữu	tỷ đồng	58,31	61,38	65,22	72,22	81,54
Lỗ Tích lũy	tỷ đồng	(12,20)	(8,69)	(4,85)	2,53	0,82
Lãi/lỗ trong Cty LD-LK	tỷ đồng	(2,16)	(2,63)	(2,85)	(0,53)	2,20

IV. KIẾN NGHỊ

1. Cho đến nay, sau hơn 10 năm thành lập. Công ty vẫn chưa xây dựng được sản phẩm – dịch vụ cốt lõi, điều này ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh và nguy cơ làm mất vốn của cổ đông. Do đó, trong những năm kế tiếp HĐQT và Ban điều hành nhiệm kỳ mới cần có một chiến lược cụ thể để công ty Chip sang tồn tại và không gây mất vốn của cổ đông thêm nữa.
2. HĐQT và Ban điều hành cần giải quyết dứt điểm sự tồn tại hợp pháp của VSMC, nhằm tránh những hậu quả khó lường sau này, vì cho đến nay công ty VSMC vẫn còn tồn tại pháp lý cũng như chưa giải quyết được việc đầu tư ra nước ngoài của Chip Sáng thông qua VSMC.

3. HĐQT và Tổng giám đốc công ty cần đánh giá lại tình hình hoạt động của CSA. Nếu không mang lại hiệu quả như phương án kinh doanh được lập trước đây và không tìm được đối tác kinh doanh phù hợp nên tiến đến việc dừng hoạt động để tiết giảm chi phí phát sinh.
4. Tòa nhà SCS sau 3 năm tuy vẫn chưa có lợi nhuận nhưng đã trích khấu hao và trả một phần vốn và lãi ngân hàng. Nếu công ty Sacom có ý định bán thì cần lấy ý kiến của cổ đông.
5. Cần tinh gọn bộ máy và tập trung vào mảng kinh doanh ESCO để tạo lợi thế cạnh tranh.
6. Cần tìm ngay một TGD mới để điều hành công ty. Việc kiêm nhiệm của chủ tịch HĐQT hiện nay không phù hợp vì cùng lúc điều hành tại 2 công ty khác nhau.

Kết luận của Ban kiểm soát

Sau hơn 10 năm hoạt động, công ty Chip Sáng vẫn chưa tìm được lãnh vực kinh doanh cốt lõi của mình. Việc thua lỗ kéo dài sẽ làm suy yếu nguồn lực nội tại của công ty cũng như làm mòn vốn của cổ đông. HĐQT nhiệm kỳ mới cần sáng suốt và có một chiến lược đúng để đưa công ty thoát ra tình hình suy thoái hiện tại và chấm dứt thua lỗ tiếp tục trong 2016.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2016

Ban Kiểm soát

Thành viên :

- 1. Phạm ngọc Tuấn**
- 2. Ngô Quốc Hùng**

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
V/v thông qua thù lao năm 2015 và kế hoạch tiền lương, thù lao
HDQT, BKS năm 2016

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng;
- Căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và kết quả kinh doanh năm 2015;
- Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2016.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua thù lao năm 2015 và kế hoạch tiền lương, thù lao HDQT, BKS năm 2016, như sau:

I. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2015 :

Theo Ngân sách hàng năm đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015: 336.000.000 đồng

Năm 2015, thù lao thực tế đã chi là: 312.000.000 đồng

Tăng (+), giảm (-): - 12.000.000 đồng

II. Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016:

Thù lao Hội đồng quản trị: 216.000.000 đồng /năm

Thù lao Ban Kiểm soát: 120.000.000 đồng/năm

Tổng cộng: 336.000.000 đồng/năm

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LƯƠNG VĂN LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 27 tháng 05 năm 2016

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty lựa chọn 1 trong 3 công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
2. Công ty TNHH kiểm toán DTL
3. Công ty TNHH kiểm toán AASC

Đơn vị kiểm toán độc lập được chọn phải có tên trong danh sách các Công ty Kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép và thỏa mãn các yêu cầu của Công ty Cổ phần Chíp Sáng về nguồn lực tốt để hoàn thành công việc đúng hạn với chi phí hợp lý nhất.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯƠNG VĂN LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 27 tháng 5 năm 2016

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
V/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất 2015 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng (đính kèm), đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán AASC.

Báo cáo tài chính năm 2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất 2015 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.chipsang.vn), bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LƯƠNG VĂN LÝ





Số: 107 /TTr-ĐHCĐ/2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 17 tháng 6 năm 2016

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
V/v kế hoạch kinh doanh năm 2016

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch kinh doanh năm 2016.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội xem xét phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2016 theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

☐ Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.126
☐ Giá vốn hàng bán	23.935
☐ Lãi gộp	5.191
☐ Doanh thu hoạt động tài chính	591
☐ Chi phí hoạt động tài chính	315
☐ Chi phí bán hàng	1.516
☐ Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.606
☐ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.656)

Trân trọng.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

LƯƠNG VĂN LÝ



Số: 50 /CV-CS
V/v: **Trả lời công văn số 1534/LH**
ngày 10/06/2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2016

Kính gửi:

Ông NGUYỄN THÀNH NHÂN

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh

Vào ngày 13/06/2016, Công ty cổ phần Chíp Sáng có nhận được Công văn số 1534/LH, ngày 10/06/2016, của Quý Cổ đông giới thiệu Ông NGUYỄN ANH ĐỨC và Bà HỒ MỸ HÒA tham gia ứng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng nhiệm kỳ 2016 - 2021. Chúng tôi xin cảm ơn Quý Cổ đông đã tích cực đáp ứng đề nghị hỗ trợ của chúng tôi.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tôi xác nhận việc đề cử là hợp lệ và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông của Chíp Sáng để quyết định.

Chúng tôi mong sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Quý Cổ đông trong thời gian tới.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn thư



Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

LƯƠNG VĂN LÝ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

BẢN LƯU AASC
Xin Gửi Về: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9
Số 9 Nguyễn Khoái, P.1, Q.4, TP.HCM

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,
thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05-34
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-34

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp sáng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 4103004789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Bà Hồ Mỹ Hoa	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Văn Lý	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 21/10/2015
Ông Vũ Khải Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/09/2015
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 21/10/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9, thành phố Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Văn Lý

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp sáng được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chíp Sáng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán DTL. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 03 năm 2015.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2013-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.267.230.041	23.925.704.037
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	214.298.010	2.190.860.373
111	1. Tiền		214.298.010	2.190.860.373
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.085.000.000	10.110.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.085.000.000	10.110.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.209.653.222	4.263.702.589
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.577.566.769	5.941.183.823
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		194.818.236	141.377.489
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		3.560.000.000	3.560.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.614.296.468	1.358.169.528
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.737.028.251)	(6.737.028.251)
140	IV. Hàng tồn kho	8	4.639.721.715	7.163.909.350
141	1. Hàng tồn kho		4.724.246.331	7.292.018.778
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(84.524.616)	(128.109.428)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		118.557.094	197.231.725
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		41.250.000	119.924.631
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	77.307.094	77.307.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.650.174.748	46.299.760.411
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.632.292.500	1.209.300.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	6	1.632.292.500	1.209.300.000
220	II. Tài sản cố định		47.086.495	59.642.899
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	47.086.495	59.642.899
222	- Nguyên giá		612.711.788	612.711.788
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(565.625.293)	(553.068.889)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		57.600.000	57.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.600.000)	(57.600.000)
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	39.111.841.805	42.518.130.878
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.796.340.000	8.796.340.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		52.752.000.000	52.752.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(22.436.498.195)	(19.030.209.122)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.858.953.948	2.512.686.634
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		27.272.728	55.585.567
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.a	3.831.681.220	2.457.101.067
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		67.917.404.789	70.225.464.448

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		11.572.394.305	8.333.648.801
310	I. Nợ ngắn hạn		9.192.394.305	5.953.648.801
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.032.377.144	2.870.565.852
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		355.884.665	118.991.387
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	68.740.601	345.112.544
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	379.712.714	290.107.171
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	951.048.083	732.870.378
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	15	813.347.593	380.922.329
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	5.557.037.465	1.180.833.100
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		34.246.040	34.246.040
330	II. Nợ dài hạn		2.380.000.000	2.380.000.000
337	7. Phải trả dài hạn khác	15	2.380.000.000	2.380.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		56.345.010.484	61.891.815.647
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	56.345.010.484	61.891.815.647
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	5. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.618.013.619)	(8.071.208.456)
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		569.507.243	569.507.243
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(14.187.520.862)	(8.640.715.699)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		67.917.404.789	70.225.464.448

Trương Thị Diễm Chi
 Người lập

Nguyễn Thị Quỳnh Như
 Kế toán trưởng

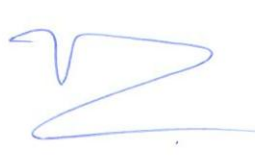
Lương Văn Lý
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	19.328.367.819	27.481.327.460
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	74.515.462	645.497.894
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.253.852.357	26.835.829.566
11	4. Giá vốn hàng bán	21	17.005.919.793	21.615.465.045
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.247.932.564	5.220.364.521
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	942.299.971	1.016.910.084
22	7. Chi phí tài chính	23	3.634.012.426	5.591.049.634
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		223.634.751	268.951.082
24	8. Chi phí bán hàng	24	1.557.552.681	1.699.918.958
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.424.412.957	5.045.129.486
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.425.745.529)	(6.098.823.473)
31	11. Thu nhập khác		505.161.234	249.099.604
32	12. Chi phí khác		801.021	54.065.742
40	13. Lợi nhuận khác		504.360.213	195.033.862
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.921.385.316)	(5.903.789.611)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.b	(1.374.580.153)	(1.259.188.114)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.546.805.163)	(4.644.601.497)


Trương Thị Diễm Chi
Người lập


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng


Lương Văn Lý
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(6.921.385.316)	(5.903.789.611)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.556.404	3.139.101
03	- Các khoản dự phòng		3.362.704.261	5.338.632.601
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(368.379)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(860.298.568)	(70.909.091)
06	- Chi phí lãi vay		223.634.751	268.951.082
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.183.156.847)	(363.975.918)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.377.972.299)	4.717.926.355
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.567.772.447	1.390.228.082
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.142.856.340)	(2.379.923.668)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		106.987.470	(71.994.186)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(216.611.272)	(268.951.082)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.245.836.841)	3.023.309.583
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(62.782.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.038.791.600)	(1.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.063.791.600	1.740.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		869.327.734	70.909.091
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		894.327.734	(51.872.909)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		12.120.656.696	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(7.744.452.331)	(3.819.166.900)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.626.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.374.578.365	(3.819.166.900)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.976.930.742)	(847.730.226)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.190.860.373	3.038.590.599
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		368.379	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	214.298.010	2.190.860.373

Trương Thị Diễm Chi
Người lập

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng



Lương Văn Lý
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 4103004789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng, đại lý dịch vụ viễn thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 35.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng /Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ,
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Phần mềm máy vi tính	05	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí mua vào chưa nhận được hóa đơn... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Khoản hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa đã bán.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	15.729.115	50.670.142
Tiền gửi ngân hàng	198.568.895	2.140.190.231
	<u>214.298.010</u>	<u>2.190.860.373</u>

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.085.000.000	10.085.000.000	10.110.000.000	10.110.000.000
	10.085.000.000	10.085.000.000	10.110.000.000	10.110.000.000

Tại 31/12/2015, các khoản tiền tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đông Sài Gòn được gửi với lãi suất 06 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	8.796.340.000	(6.899.331.167)	8.796.340.000	(5.651.465.222)
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	8.796.340.000	(6.899.331.167)	8.796.340.000	(5.651.465.222)
Đầu tư vào Công ty liên kết	52.752.000.000	(15.537.167.028)	52.752.000.000	(13.378.743.900)
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	42.000.000.000	(4.785.167.028)	42.000.000.000	(2.626.743.900)
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	10.752.000.000	(10.752.000.000)	10.752.000.000	(10.752.000.000)
	61.548.340.000	(22.436.498.195)	61.548.340.000	(19.030.209.122)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	5.753.096.536	-
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	2.315.128.251
Công ty TNHH MTV Sợi chỉ may Phong Phú	605.856.444	1.886.453.220
Công ty TNHH Cao Phong	277.870.034	739.490.081
Các khoản phải thu khách hàng khác	625.615.504	1.000.112.271
	<u>9.577.566.769</u>	<u>5.941.183.823</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	2.523.826.273	2.378.649.595
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)		

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND		VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	36.116.667	-	45.145.833	-
Phải thu về lãi tiền cho vay	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Phải thu về BHXH	-	-	1.046.766	-
Phải thu về BHYT	-	-	319.976	-
Tạm ứng	625.469.248	-	316.047.260	-
Ký cược, ký quỹ	58.700.000	-	99.510.525	-
Phải thu khác	32.110.553	-	34.199.168	-
	1.614.296.468	(861.900.000)	1.358.169.528	(861.900.000)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.632.292.500	-	1.209.300.000	-
	1.632.292.500	-	1.209.300.000	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
	6.737.028.251	-	6.737.028.251	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.884.905.359	-
Công cụ, dụng cụ	934.091	-	934.091	-
Chi phí sản xuất KDDD	86.487.580	-	-	-
Hàng hoá	4.565.358.352	(84.524.616)	3.978.060.742	(128.109.428)
Hàng gửi đi bán	71.466.308	-	428.118.586	-
	4.724.246.331	(84.524.616)	7.292.018.778	(128.109.428)

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	188.882.984	423.828.804	612.711.788
Số dư cuối năm	<u>188.882.984</u>	<u>423.828.804</u>	<u>612.711.788</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	129.240.085	423.828.804	553.068.889
- Khấu hao trong năm	12.556.404	-	12.556.404
Số dư cuối năm	<u>141.796.489</u>	<u>423.828.804</u>	<u>565.625.293</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	59.642.899	-	59.642.899
Tại ngày cuối năm	<u>47.086.495</u>	<u>-</u>	<u>47.086.495</u>
Trong đó:			
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			549.929.788

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao với nguyên giá là 57.600.000 VND.

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn	1.180.833.100	1.180.833.100	12.120.656.696	7.744.452.331	5.557.037.465	5.557.037.465
	1.180.833.100	1.180.833.100	12.120.656.696	7.744.452.331	5.557.037.465	5.557.037.465

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	01/01/2015
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	VND	6,50%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng	5.557.037.465	1.180.833.100
				5.557.037.465	1.180.833.100

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Minh	1.005.252.864	1.005.252.864	-	-
- Guangdong Ailian Electric	-	-	1.566.428.199	1.566.428.199
- Wintime Import And Export	-	-	1.054.560.608	1.054.560.608
- Phải trả các đối tượng khác	34.147.759	34.147.759	249.577.045	249.577.045
	1.039.400.623	1.039.400.623	2.870.565.852	2.870.565.852

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	308.501.454	1.979.643.063	2.287.443.777	-	700.740
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	30.266.000	30.266.000	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	36.611.090	185.914.476	154.485.705	-	68.039.861
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	345.112.544	2.198.823.539	2.475.195.482	-	68.740.601

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	7.023.479	-
- Trích trước chi phí tiền lương tháng 13	141.624.472	131.613.488
- Trích trước chi phí tiền điện	46.363.636	-
- Chi phí phải trả khác	184.701.127	158.493.683
	<u>379.712.714</u>	<u>290.107.171</u>

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	15.967.987	43.157.412
- Bảo hiểm xã hội	1.843.269	-
- Bảo hiểm y tế	971.860	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.837.937	976.717
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	507.979.440	52.347.100
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	284.441.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.932.000	-
	<u>813.347.593</u>	<u>380.922.329</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.380.000.000	2.380.000.000
	<u>2.380.000.000</u>	<u>2.380.000.000</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	951.048.083	732.870.378
	<u>951.048.083</u>	<u>732.870.378</u>

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước*	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	288.561.242	138.288.381	11.984.480	(3.426.606.959)	66.536.417.144
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(4.644.601.497)	(4.644.601.497)
Số dư cuối năm trước	<u>80.290.800.000</u>	<u>374.000.000</u>	<u>(11.140.610.000)</u>	<u>288.561.242</u>	<u>138.288.381</u>	<u>11.984.480</u>	<u>(8.071.208.456)</u>	<u>61.891.815.647</u>
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623		11.984.480	(8.071.208.456)	61.891.815.647
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(5.546.805.163)	(5.546.805.163)
Số dư cuối năm nay	<u>80.290.800.000</u>	<u>374.000.000</u>	<u>(11.140.610.000)</u>	<u>426.849.623</u>	<u>-</u>	<u>11.984.480</u>	<u>(13.618.013.619)</u>	<u>56.345.010.484</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	14.288.000.000	17,80	14.288.000.000	17,80
Các cổ đông khác	54.862.190.000	68,33	54.862.190.000	68,33
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	13,88	11.140.610.000	13,88
	<u>80.290.800.000</u>	<u>100,00</u>	<u>80.290.800.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.114.061	1.114.061
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	438.834.103	438.834.103

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:		
- Từ 1 năm trở xuống	6.431.120.206	6.049.055.816
- Trên 1 năm đến 5 năm	17.283.917.264	23.715.037.470
	23.715.037.470	29.764.093.286

b) Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2015	01/01/2015
Đô la Mỹ	USD	558,40	481,20

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.187.790.151	10.942.642.576
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.680.274.934	7.077.456.094
Doanh thu thi công đèn Led	7.460.302.734	9.448.637.884
Doanh thu khác	-	12.590.906
	19.328.367.819	27.481.327.460

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan - 57.143.064
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	74.515.462	645.497.894
	74.515.462	645.497.894

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.573.235.173	8.357.929.864
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.239.665.206	5.948.588.098
Giá vốn dịch vụ thi công đèn Led	6.236.604.226	7.168.358.799
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(43.584.812)	128.109.428
Giá vốn khác	-	12.478.856
	17.005.919.793	21.615.465.045

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	860.298.568	1.016.910.084
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	59.475.868	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.157.156	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	368.379	-
	942.299.971	1.016.910.084

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	223.634.751	268.951.082
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.889.358	90.720.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.199.244	20.854.782
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.406.289.073	5.210.523.173
	3.634.012.426	5.591.049.634

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.053.336	-
Chi phí nhân công	136.135.480	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.605.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.267.674	1.374.981.318
Chi phí khác bằng tiền	484.462.563	195.543.245
Chi phí bảo hành	262.633.628	127.788.456
	<u>1.557.552.681</u>	<u>1.699.918.958</u>

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.684.151	67.256.013
Chi phí nhân công	3.741.921.208	3.284.598.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.556.404	3.139.101
Thuế, phí, lệ phí	6.933.480	30.497.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	820.721.137	693.230.622
Chi phí khác bằng tiền	640.596.577	966.408.038
	<u>5.424.412.957</u>	<u>5.045.129.486</u>

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.921.385.316)	(5.903.789.611)
Các khoản điều chỉnh tăng	144.000.000	180.207.275
- Chi phí không hợp lệ	144.000.000	180.207.275
Các khoản điều chỉnh giảm	(368.379)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(368.379)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(6.777.753.695)	(5.723.582.336)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>(77.307.094)</u>	<u>(77.307.094)</u>

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	576.260.898	557.231.484
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.255.420.322	1.899.869.583
	3.831.681.220	2.457.101.067

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	8.143.736
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(19.029.414)	(396.000.000)
Lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	(1.355.550.739)	(871.331.850)
	(1.374.580.153)	(1.259.188.114)

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.600.082.588	80.792.952
Chi phí nhân công	3.878.056.688	3.284.598.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.556.404	4.745.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.681.333.362	22.841.669.052
Chi phí khác bằng tiền	1.064.252.993	2.148.708.118
	12.236.282.035	28.360.513.489

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.298.010	-	2.190.860.373	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.824.155.737	(3.177.028.251)	8.508.653.351	(3.177.028.251)
Các khoản cho vay	3.560.000.000	(3.560.000.000)	3.560.000.000	(3.560.000.000)
	16.598.453.747	(6.737.028.251)	14.259.513.724	(6.737.028.251)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	5.557.037.465	1.180.833.100
Phải trả người bán, phải trả khác	4.225.724.737	5.631.488.181
Chi phí phải trả	379.712.714	290.107.171
	10.162.474.916	7.102.428.452

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.298.010	-	-	214.298.010
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.014.834.986	1.632.292.500	-	9.647.127.486
	8.229.132.996	1.632.292.500	-	9.861.425.496

Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.190.860.373	-	-	2.190.860.373
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.122.325.100	1.209.300.000	-	5.331.625.100
	6.313.185.473	1.209.300.000	-	7.522.485.473

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	5.557.037.465	-	-	5.557.037.465
Phải trả người bán, phải trả khác	1.845.724.737	2.380.000.000	-	4.225.724.737
Chi phí phải trả	379.712.714	-	-	379.712.714
	7.782.474.916	2.380.000.000	-	10.162.474.916
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	1.180.833.100	-	-	1.180.833.100
Phải trả người bán, phải trả khác	6.334.571.130	2.380.000.000	-	8.714.571.130
Chi phí phải trả	290.107.171	-	-	290.107.171
	7.805.511.401	2.380.000.000	-	10.185.511.401

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	12.120.656.696	-

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	7.744.452.331	3.819.166.900

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	-	57.143.064
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	51.704.545	76.370.909
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	25.900.000	-
Lãi tiền cho vay			
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	167.878.798	70.909.091

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	208.698.022	63.521.344
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	2.315.128.251	2.315.128.251
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	1.760.000.000	1.760.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	861.900.000	861.900.000
Phải trả dài hạn khác			
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	80.000.000	80.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	660.673.000	652.653.200

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố
Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

35 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DTL kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
Mã số	Khoản mục	Số tiền	Mã số	Khoản mục	Thay đổi
a) Bảng cân đối kế toán			a) Bảng cân đối kế toán		
121	Đầu tư ngắn hạn	13.670.000.000			
			123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.670.000.000
			135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	(10.110.000.000)
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.560.000.000)			
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.177.028.251)	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.560.000.000)
131	Phải thu của khách hàng	5.941.183.823	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.560.000.000
132	Trả trước cho người bán	141.377.489	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-
135	Các khoản phải thu khác	942.611.743	136	Phải thu ngắn hạn khác	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	415.557.785	155	Tài sản ngắn hạn khác	(415.557.785)
218	Phải thu dài hạn khác	-	216	Phải thu dài hạn khác	415.557.785
268	Tài sản dài hạn khác	1.209.300.000	268	Tài sản dài hạn khác	(1.209.300.000)
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(19.030.209.122)	254	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.209.300.000
311	Vay và nợ ngắn hạn	1.180.833.100	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-
312	Phải trả người bán	2.870.565.852	311	Phải trả người bán ngắn hạn	-
313	Người mua trả tiền trước	118.991.387	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	345.112.544	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-
316	Chi phí phải trả	290.107.171	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	380.922.329	319	Phải trả ngắn hạn khác	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34.246.040	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
333	Phải trả dài hạn khác	2.380.000.000	337	Phải trả dài hạn khác	-

Công ty Cổ phần Chíp sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Khoản mục	Số tiền	Mã số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
338	Doanh thu chưa thực hiện	732.870.378	318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	732.870.378	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.290.800.000	411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.290.800.000	-
			411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	80.290.800.000	-
414	Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	415	Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	288.561.242	418	Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	(138.288.381)
418	Quỹ dự phòng tài chính	138.288.381				138.288.381
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8.071.208.456)	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8.071.208.456)	-
			421a	LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	569.507.243	
			421b	LNST chưa phân phối năm nay	(8.640.715.699)	
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
24	Chi phí bán hàng	1.699.918.958	25	Chi phí bán hàng	1.699.918.958	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.045.129.486	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.045.129.486	-
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.819.166.900)	34	Tiền trả nợ gốc vay	(3.819.166.900)	-


Trương Thị Diễm Chi
Người lập


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng



Lương Văn Lý
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP.

Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 4103004789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Bà Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Hồ Mỹ Hoa	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Văn Lý	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 21/10/2015
Ông Vũ Khải Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/09/2015
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 21/10/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do lỗi.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9,
TP. Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Văn Lý

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Số: 130 /2016/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con được lập ngày 01 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán DTL. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 03 năm 2015.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-2013-02-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Trần Trung Hiếu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2013-02-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

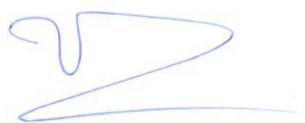
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.426.296.350	24.698.017.287
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	267.707.419	2.734.365.089
111	1. Tiền		267.707.419	2.734.365.089
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.085.000.000	10.110.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.085.000.000	10.110.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.057.067.281	4.340.091.632
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.375.842.747	5.838.163.033
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		204.530.026	203.509.409
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.933.296.092	1.755.020.774
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(5.216.601.584)	(5.216.601.584)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.736.622.949	7.163.909.350
141	1. Hàng tồn kho		4.821.147.565	7.292.018.778
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(84.524.616)	(128.109.428)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		279.898.701	349.651.216
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		44.550.205	122.341.670
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		158.041.402	149.496.906
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	77.307.094	77.812.640
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47.334.802.956	47.889.563.835
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.652.292.500	1.254.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.652.292.500	1.254.300.000
220	II. Tài sản cố định		1.416.873.049	1.668.624.673
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	80.388.177	247.283.625
222	- Nguyên giá		1.133.288.888	1.133.288.888
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.052.900.711)	(886.005.263)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.336.484.872	1.421.341.048
228	- Nguyên giá		1.669.867.451	1.690.867.451
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(333.382.579)	(269.526.403)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	3.570.309.848	3.476.696.428
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.570.309.848	3.476.696.428
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	37.214.832.972	39.373.256.100
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		47.966.832.972	50.125.256.100
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.480.494.587	2.116.686.634
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		27.272.728	55.585.567
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	3.453.221.859	2.061.101.067
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		70.761.099.306	72.587.581.122

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.452.312.805	9.264.403.456
310	I. Nợ ngắn hạn		10.152.312.805	6.964.403.456
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.458.094.551	3.296.283.259
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		483.880.223	253.090.345
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	401.692.027	680.267.915
314	4. Phải trả người lao động		10.340.909	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	379.712.714	320.038.062
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	951.048.083	732.870.378
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	876.260.793	466.774.357
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	5.557.037.465	1.180.833.100
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		34.246.040	34.246.040
330	II. Nợ dài hạn		2.300.000.000	2.300.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.300.000.000	2.300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58.308.786.501	63.323.177.666
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	58.308.786.501	63.323.177.666
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(12.196.479.732)	(7.359.468.697)
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(7.359.468.697)	(3.516.921.561)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(4.837.011.035)	(3.842.547.136)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		542.242.130	719.622.260
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		70.761.099.306	72.587.581.122



Trương Thị Diễm Chi
Người lập

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng



Lương Văn Lý
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	19.562.549.420	28.553.690.608
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	79.015.462	657.861.985
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.483.533.958	27.895.828.623
11	4. Giá vốn hàng bán	23	17.270.586.276	22.554.560.024
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.212.947.682	5.341.268.599
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	789.451.574	951.698.922
22	7. Chi phí tài chính	25	227.723.353	380.526.461
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		223.634.751	268.951.082
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(2.158.423.128)	(2.626.743.900)
25	9. Chi phí bán hàng	26	1.631.972.179	1.923.525.976
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	5.977.691.421	6.658.284.094
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.993.410.825)	(5.296.112.910)
31	12. Thu nhập khác		523.473.234	259.008.695
32	13. Chi phí khác		1.515.812	71.980.218
40	14. Lợi nhuận khác		521.957.422	187.028.477
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.471.453.403)	(5.109.084.433)
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.c	(1.457.062.239)	(863.188.114)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.014.391.164)	(4.245.896.319)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(4.837.011.035)	(3.842.547.136)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(177.380.129)	(403.349.183)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(699)	(556)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ SÁNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(6.471.453.403)	(5.109.084.433)
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		251.751.624	243.152.602
03	- Các khoản dự phòng		(43.584.812)	407.682.761
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(368.379)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		1.453.572.957	2.626.743.900
06	- Chi phí lãi vay		223.634.751	268.951.082
08	11 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.586.447.262)	(1.562.554.088)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.131.303.119)	4.659.201.975
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.470.871.213	1.390.228.082
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.193.692.495)	(2.674.293.241)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		106.104.304	(23.247.244)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(216.611.272)	(268.951.082)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.551.078.631)	1.520.384.402
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(93.613.420)	(338.196.333)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.974.583.300)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.063.791.600	1.740.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		713.879.337	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		709.474.217	1.401.803.667
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		12.120.656.696	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(7.744.452.331)	(3.819.166.900)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.626.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.374.578.365	(3.819.166.900)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.467.026.049)	(896.978.831)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.734.365.089	3.631.343.920
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		368.379	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>267.707.419</u>	<u>2.734.365.089</u>

Trương Thị Diễm Chi
Người lập

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng



Lương Văn Lý
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 4103004789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng, đại lý dịch vụ viễn thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con: 01
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	77,00%	70,00%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Tp. Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 năm |

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	26.923.127	81.205.958
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	240.784.292	2.653.159.131
	<u>267.707.419</u>	<u>2.734.365.089</u>

Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.085.000.000	10.085.000.000	10.110.000.000	10.110.000.000
	<u>10.085.000.000</u>	<u>10.085.000.000</u>	<u>10.110.000.000</u>	<u>10.110.000.000</u>

Tại 31/12/2015, tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đồng Sài Gòn được gửi với lãi suất

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết(*)	47.966.832.972	(10.752.000.000)	50.125.256.100	(10.752.000.000)
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	10.752.000.000	(10.752.000.000)	10.752.000.000	(10.752.000.000)
- Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	37.214.832.972	-	39.373.256.100	-
	<u>47.966.832.972</u>	<u>(10.752.000.000)</u>	<u>50.125.256.100</u>	<u>(10.752.000.000)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Kinh doanh Bất động sản, cho thuê văn phòng

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	5.753.096.536	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	2.315.128.251
- Công ty TNHH MTV Sợi chỉ may Phong Phú	605.856.444	1.886.453.220
- Công ty TNHH Cao Phong	277.870.034	739.490.081
- Các khoản phải thu khách hàng khác	423.891.482	897.091.481
	9.375.842.747	5.838.163.033

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.

	2.315.128.251	2.315.128.251
--	----------------------	----------------------

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	1.760.000.000
	1.760.000.000	1.760.000.000

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	36.116.667	-	45.145.833	-
Phải thu về lãi tiền cho vay	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.046.766	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	319.976	-
Tạm ứng	625.969.248	-	325.547.260	-
Ký cược, ký quỹ	58.700.000	-	139.510.525	-
Các khoản chi hộ	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Phải thu khác	71.036.844	-	101.977.081	-
	1.933.296.092	(1.141.473.333)	1.755.020.774	(1.141.473.333)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.652.292.500	-	1.254.300.000	-
	1.652.292.500	-	1.254.300.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.884.905.359	-
Công cụ, dụng cụ	934.091	-	934.091	-
Chi phí SXKDDD	183.388.814	-	-	-
Hàng hoá	4.565.358.352	(84.524.616)	3.978.060.742	(128.109.428)
Hàng gửi đi bán	71.466.308	-	428.118.586	-
	4.821.147.565	(84.524.616)	7.292.018.778	(128.109.428)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án "Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa"	3.570.309.848	3.476.696.428
- Bản quyền	1.262.160.000	1.262.160.000
- Lương	2.308.149.848	2.214.536.428
	3.570.309.848	3.476.696.428

Là chi phí phát sinh theo hợp đồng chuyển giao công nghệ số 01/HĐ-CSA liên quan đến gói "Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa" được ký ngày 20/12/2011, giữa Ashmanov & Partners JSC và Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	709.460.084	423.828.804	1.133.288.888
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	709.460.084	423.828.804	1.133.288.888
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	462.176.459	423.828.804	886.005.263
- Khấu hao trong năm	166.895.448	-	166.895.448
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	629.071.907	423.828.804	1.052.900.711
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	247.283.625	-	247.283.625
Tại ngày cuối năm	80.388.177	-	80.388.177

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 549.929.788 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chuyển giao công nghệ	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.612.267.451	78.600.000	1.690.867.451
- Giảm theo thông tư 45/2013	-	(21.000.000)	(21.000.000)
Số dư cuối năm	1.612.267.451	57.600.000	1.669.867.451
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	190.926.403	78.600.000	269.526.403
- Khấu hao trong năm	84.856.176	-	84.856.176
- Giảm theo thông tư 45/2013	-	(21.000.000)	(21.000.000)
Số dư cuối năm	275.782.579	57.600.000	333.382.579
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.421.341.048	-	1.421.341.048
Tại ngày cuối năm	1.336.484.872	-	1.336.484.872

Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Xây dựng Minh Phương	1.005.252.864	1.005.252.864	-	-
- Guangdong Ailian Electric Appliance Co.Ltd	-	-	1.566.428.199	1.566.428.199
- Wintime Import And Export Trading	-	-	1.054.560.608	1.054.560.608
- Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
- Phải trả các đối tượng khác	27.124.280	27.124.280	249.577.045	249.577.045
	1.458.094.551	1.458.094.551	3.296.283.259	3.296.283.259
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	505.546	308.501.454	2.026.636.768	2.333.931.936	-	700.740
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	30.266.000	30.266.000	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	-	-	77.307.094	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	41.111.090	189.240.131	160.015.305	-	70.335.916
Các loại thuế khác	-	330.655.371	6.000.000	6.000.000	-	330.655.371
	77.812.640	680.267.915	2.252.142.899	2.530.213.241	77.307.094	401.692.027

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	7.023.479	-
- Trích trước chi phí tiền lương tháng 13	141.624.472	131.613.488
- Trích trước chi phí tiền điện	46.363.636	-
- Chi phí phải trả khác	184.701.127	188.424.574
	379.712.714	320.038.062

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	951.048.083	732.870.378
	951.048.083	732.870.378

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	78.881.187	106.738.055
- Bảo hiểm xã hội	1.843.269	-
- Bảo hiểm y tế	971.860	(128.615)
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.837.937	976.717
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	507.979.440	52.347.100
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	284.441.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.932.000	22.400.000
	876.260.793	466.774.357
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.300.000.000	2.300.000.000
	2.300.000.000	2.300.000.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	282.815.100	284.441.100
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	284.441.100
	282.815.100	284.441.100

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn	1.180.833.100	1.180.833.100	12.120.656.696	7.744.452.331	5.557.037.465	5.557.037.465
	<u>1.180.833.100</u>	<u>1.180.833.100</u>	<u>12.120.656.696</u>	<u>7.744.452.331</u>	<u>5.557.037.465</u>	<u>5.557.037.465</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2015	31/12/2015
1.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	VND	6,50%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng	VND 5.557.037.465	VND 1.180.833.100
					<u>5.557.037.465</u>	<u>1.180.833.100</u>

Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	288.561.242	138.288.381	11.984.480	(3.516.921.561)	1.122.971.443	67.569.073.985	
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(3.842.547.136)	(403.349.183)	(4.245.896.319)	
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	288.561.242	138.288.381	11.984.480	(7.359.468.697)	719.622.260	63.323.177.666	
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	-	11.984.480	(7.359.468.697)	719.622.260	63.323.177.666	
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(4.837.011.036)	(177.380.129)	(5.014.391.165)	
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	-	11.984.480	(12.196.479.733)	542.242.131	58.308.786.501	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Tỷ lệ (%)	Đầu năm		Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	VND	
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	14.288.000.000	14.288.000.000	17,80	14.288.000.000	14.288.000.000	17,80
Vốn góp của các cổ đông khác	54.862.190.000	54.862.190.000	68,33	54.862.190.000	54.862.190.000	68,33
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	11.140.610.000	13,88	11.140.610.000	11.140.610.000	13,88
	80.290.800.000	80.290.800.000	100	80.290.800.000	80.290.800.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.114.061	1.114.061
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	438.834.103	438.834.103

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:	23.715.037.470	29.764.093.286
- Từ 1 năm trở xuống	6.431.120.206	6.049.055.816
- Trên 1 năm đến 5 năm	17.283.917.264	23.715.037.470
	23.715.037.470	29.764.093.286

b) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	-	117.184.726

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	558,40	980,12

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.187.790.151	10.942.642.576
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.914.456.535	7.077.456.094
Doanh thu thi công đèn Led	7.460.302.734	9.448.637.884
Doanh thu khác	-	1.084.954.054
	19.562.549.420	28.553.690.608

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	74.515.462	645.497.894
Giảm giá hàng bán	4.500.000	12.364.091
	79.015.462	657.861.985

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.573.235.173	8.357.929.864
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.504.331.689	5.948.588.098
Giá vốn thi công đèn Led	6.236.604.226	7.168.358.799
Giá vốn khác	-	951.573.835
Hoàn nhập dự phòng/ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(43.584.812)	128.109.428
	17.270.586.276	22.554.560.024

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	704.850.171	951.698.922
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	59.475.868	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.157.156	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	368.379	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.600.000	-
	789.451.574	951.698.922

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	223.634.751	268.951.082
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.889.358	90.720.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.199.244	20.854.782
	227.723.353	380.526.461

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.053.336	-
Chi phí nhân công	210.554.978	223.127.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.605.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.267.674	1.374.981.318
Chi phí khác bằng tiền	484.462.563	196.023.245
Chi phí bảo hành	262.633.628	127.788.456
	1.631.972.179	1.923.525.976

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.186.227	108.072.441
Chi phí nhân công	3.958.478.037	4.035.999.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.895.448	158.296.426
Thuế, phí, lệ phí	14.556.206	65.284.291
Chi phí dự phòng	-	279.573.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.822.627	925.384.601
Chi phí khác bằng tiền	670.752.876	1.085.673.689
	5.977.691.421	6.658.284.094

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.471.453.403)	(5.109.084.433)
Các khoản điều chỉnh tăng	144.000.000	180.207.275
- Chi phí không hợp lệ	144.000.000	180.207.275
Các khoản điều chỉnh giảm	(368.379)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(368.379)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(6.327.821.782)	(4.928.877.158)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(77.307.094)	(77.307.094)

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	576.260.898	161.231.483
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	2.876.960.961	1.899.869.584
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.453.221.859	2.061.101.067

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	8.143.736
Lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	(1.438.032.825)	(871.331.850)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	(19.029.414)	-
	(1.457.062.239)	(863.188.114)

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(4.837.011.035)	(3.842.547.136)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.837.011.035)	(3.842.547.136)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.915.019	6.915.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(699)	(556)

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.600.584.664	121.609.380
Chi phí nhân công	4.256.610.432	4.259.126.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.751.624	270.126.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.893.770.516	23.207.337.004
Chi phí khác bằng tiền	1.274.635.478	2.583.087.020
	13.277.352.714	30.441.286.667

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2015	01/01/2015
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản trương đương tiền	267.707.419	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.961.431.339	(3.456.601.584)	(3.456.601.584)
Các khoản cho vay	1.760.000.000	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
	14.989.138.758	(5.216.601.584)	(5.216.601.584)

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		5.557.037.465	1.180.833.100
Phải trả người bán, phải trả khác		4.634.355.344	6.063.057.616
Chi phí phải trả		379.712.714	320.038.062
		10.571.105.523	7.563.928.778

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	267.707.419	-	-	267.707.419
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.504.829.755	-	-	9.504.829.755
	<u>9.772.537.174</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.772.537.174</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.734.365.089	-	-	2.734.365.089
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.390.882.223	-	-	5.390.882.223
	<u>8.125.247.312</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.125.247.312</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	5.557.037.465	-	-	5.557.037.465
Phải trả người bán, phải trả khác	4.634.355.344	-	-	4.634.355.344
Chi phí phải trả	379.712.714	-	-	379.712.714
	10.571.105.523	-	-	10.571.105.523
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	1.180.833.100	-	-	1.180.833.100
Phải trả người bán, phải trả khác	6.063.057.616	-	-	6.063.057.616
Chi phí phải trả	320.038.062	-	-	320.038.062
	7.563.928.778	-	-	7.563.928.778

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	12.120.656.696	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(7.744.452.331)	(3.819.166.900)

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	2.315.128.251	2.315.128.251
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	1.760.000.000	1.760.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	861.900.000	861.900.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	660.673.000	652.653.200

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.838.163.033	5.870.633.756	(32.470.723)
Tài sản cố định hữu hình	221	247.283.625	388.844.155	(141.560.530)
Nguyên giá	222	1.133.288.888	1.317.775.119	(184.486.231)
Giá trị hao mòn lũy kế	222	(886.005.263)	(928.930.964)	42.925.701
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên k	252	50.125.256.100	48.726.152.881	1.399.103.219
Quỹ đầu tư phát triển	418	426.849.623	288.561.242	138.288.381
Quỹ dự phòng tài chính			248.225.920	(248.225.920)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(7.359.468.697)	(8.694.478.202)	1.335.009.505

Công ty Cổ phần Chụp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
121	Đầu tư ngắn hạn	11.870.000.000	123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.110.000.000	(11.870.000.000)
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.760.000.000)	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.838.163.033	1.760.000.000
131	Phải thu khách hàng	5.870.633.756	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	203.509.409	10.110.000.000
132	Trả trước cho người bán	203.509.409	135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.760.000.000	(32.470.723)
135	Các khoản phải thu khác	1.289.962.989	136	Phải thu ngắn hạn khác	1.755.020.774	-
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.456.601.584)	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.216.601.584)	1.760.000.000
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	77.812.640	153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	77.812.640	465.057.785
158	Tài sản ngắn hạn khác	465.057.785	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(1.760.000.000)
218	Phải thu dài hạn khác	-	216	Phải thu dài hạn khác	1.254.300.000	(465.057.785)
221	Tài sản cố định hữu hình	388.844.155	221	Tài sản cố định hữu hình	247.283.625	1.254.300.000
222	- Nguyên giá	1.317.775.119	222	- Nguyên giá	1.133.288.888	(141.560.530)
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(928.930.964)	223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(886.005.263)	(184.486.231)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.476.696.428	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.476.696.428	42.925.701
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	48.726.152.881	252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.476.696.428	(3.476.696.428)
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(10.752.000.000)	254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	50.125.256.100	3.476.696.428
268	Tài sản dài hạn khác	1.254.300.000	268	Tài sản dài hạn khác	(10.752.000.000)	1.399.103.219
311	Vay và nợ ngắn hạn	1.180.833.100	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.180.833.100	-
312	Phải trả người bán	3.296.283.259	311	Phải trả người bán ngắn hạn	3.296.283.259	-
313	Người mua trả tiền trước	253.090.345	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	253.090.345	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	680.267.915	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	680.267.915	-
316	Chi phí phải trả	320.038.062	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	320.038.062	-

Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	466.774.357	318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	732.870.378	732.870.378
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34.246.040	319	Phải trả ngắn hạn khác	466.774.357	-
333	Phải trả dài hạn khác	2.300.000.000	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34.246.040	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.290.800.000	337	hài trả dài hạn khác	2.300.000.000	-
414	Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	411	Vốn góp của chủ sở hữu	80.290.800.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	288.561.242	411a	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	80.290.800.000	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	248.225.920	415	Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	-
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	418	Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	138.288.381
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8.694.478.202)	420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	(248.225.920)
439	LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	719.622.260	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(7.359.468.697)	-
			421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối</i>	(3.516.921.561)	1.335.009.505
			421b	- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	(3.842.547.136)	(3.516.921.561)
			429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	719.622.260	(3.842.547.136)
						719.622.260
						(719.622.260)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.669.369.010)	24	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(2.626.743.900)	(2.626.743.900)
45	Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	2.626.743.900	30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.296.112.910)	(2.626.743.900)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.482.340.533)	50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.109.084.433)	(2.626.743.900)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.619.152.419	60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.245.896.319	2.626.743.900

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

02	Khấu hao tài sản cố định	243.152.602	02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	243.152.602	-
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	4.659.201.975	09	Tăng, giảm các khoản phải thu	4.659.201.975	-
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	1.390.228.082	10	Tăng, giảm hàng tồn kho	1.390.228.082	-
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(2.674.293.241)	11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(2.674.293.241)	-

Công ty Cổ phần Chíp sáng và Công ty con

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(23.247.244)	12	Tăng, giảm chi phí trả trước	(23.247.244)
13	Tiền lãi vay đã trả	(268.951.082)	14	Tiền lãi vay đã trả	(268.951.082)
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và dài hạn khác	(338.196.333)	21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(338.196.333)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	1.740.000.000	24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	1.740.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.819.166.900)	34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(3.819.166.900)



Trương Thị Diễm Chi
Người lập



Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng



Lương Văn Lý
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----*-----*-----

PHIẾU ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CHÍP SÁNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2015
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 thông qua ngày 20/04/2008 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 sửa đổi
- Căn cứ Thông báo số ngày của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng về việc đề cử ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị tại Đại hội cổ đông năm 2016.

Tôi tên là: -----

Ngày sinh: ----/ ---/----- Nơi sinh: -----

Quốc tịch: -----

CMND số: ----- cấp ngày ----/----/-----, nơi cấp-----

Địa chỉ thường trú: -----

Điện thoại: ----- Fax: ----- Email:-----

Với tư cách:

- [] Bản thân là Cổ đông phổ thông sở hữu:----- cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty Cổ Phần Chíp Sáng trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục
- [] Đại diện cho Cổ đông pháp nhân (Tổ chức, doanh nghiệp)----- sở hữu ----- cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty Cổ Phần Chíp Sáng trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục
- [] Đại diện cho Nhóm cổ đông sở hữu: ----- cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty Cổ Phần Chíp Sáng trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục (Biên bản họp Nhóm cổ đông đính kèm).

Tôi đề cử ứng viên tham gia bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

SỐ ỨNG VIÊN	HỌ TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ	NƠI LÀM VIỆC (nếu có)	ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ	CHI TIẾT LIÊN LẠC (số điện thoại & địa chỉ thư điện tử)	CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ
01					
02					
03					
04					
05					

Tôi cam đoan:

- Việc đề cử trên đây của tôi được sự tự nguyện đồng ý của người được tôi đề cử;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước công ty CP Chíp Sáng và pháp luật về việc người do tôi đề cử đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị công ty như quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Ban Tổ chức ĐHCĐ năm 2016

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Cổ đông/Đại diện nhóm

Số: /CV-CS
V/v: *Trả lời công văn số 1643/LH*
ngày 01/07/2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 02 tháng 07 năm 2016

Kính gửi:

Ông NGUYỄN THÀNH NHÂN

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh

Vào ngày 02/07/2016, Công ty cổ phần Chíp Sánh có nhận được Công văn số 1643/LH, ngày 01/07/2016, của Quý Cổ đông giới thiệu Ông VŨ THÁI HÀ tham gia ứng cử vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chíp Sánh nhiệm kỳ 2016 - 2021. Chúng tôi xin cảm ơn Quý Cổ đông đã tích cực đáp ứng đề nghị hỗ trợ của chúng tôi.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tôi xác nhận việc đề cử là hợp lệ và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông của Chíp Sánh để quyết định.

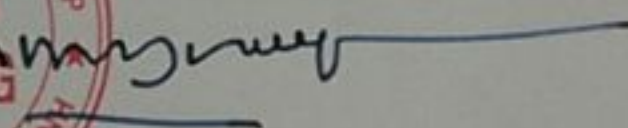
Chúng tôi mong sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Quý Cổ đông trong thời gian tới.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn thư

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



LƯƠNG VĂN LÝ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Trụ sở: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, Q.9
ĐT: 39301639 - Fax: 39301636

Số: 05 /BB-ĐHCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CP CHÍP SÁNG

Hôm nay vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 02 tháng 7 năm 2016, tại Hội trường A, lầu 6 Nhà khách Người có công (số 168 đường Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP.HCM), Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được toàn thể Đại hội cổ đông thông qua gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Trưởng Ban
- Bà Trần Kiều Dung - Thành viên
- Bà Trương Thị Diễm Chi - Thành viên
- Bà Phan Thị Diễm Trang - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Nhân - Thành viên

Thay mặt cho Ban kiểm phiếu tôi xin công bố kết quả bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chíp Sáng nhiệm kỳ III (2016 – 2020) như sau :

1. Về việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị:

1.1. Tổng hợp về Phiếu bầu Hội đồng Quản trị

Nội dung	Số lượng	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ
1. Số phiếu phát ra	149	3.634.823	
2. Số phiếu thu vào	106	1.706.182	71.14%
2.1. Số phiếu hợp lệ	106	1.706.182	46.94%
2.2. Số phiếu không hợp lệ	0	0	0%

1.2. Kết quả kiểm phiếu:

STT	HỌ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỈ LỆ
1	Ông Lương Văn Lý	1.752.960	20.55%
2	Ông Nguyễn Anh Đức	1.586.745	18.60%
3	Bà Hồ Mỹ Hòa	1.384.375	16.23%
4	Ông Phạm Hồng Kỳ	1.483.245	17.39%
5	Ông Phạm Ngọc Tuấn	1.519.300	17.81%

2. Về việc bầu cử thành viên Ban Kiểm soát:

2.1. Tổng hợp về Phiếu bầu Ban Kiểm soát

Nội dung	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
1. Số phiếu phát ra	149	3.634.823	
2. Số phiếu thu vào	106	1.706.182	71.14%
2.1. Số phiếu hợp lệ	106	1.706.182	46.94%
2.2. Số phiếu không hợp lệ	0	0	0%

2.2. Kết quả kiểm phiếu:

STT	HỌ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỈ LỆ
1	Ông Đỗ Thành Hưng	1.509.449	29.49%
2	Ông Vũ Thái Hà	1.436.216	28.06%
3	Ông Ngô Quốc Hùng	1.538.516	30.06%

3. Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát

Căn cứ vào Quy chế Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và kết quả kiểm phiếu, các ông (bà) có tên dưới đây đã trúng cử vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2020) của Công ty CP Chíp Sáng như sau:

3.1. Hội đồng Quản trị:

STT	HỌ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỈ LỆ
1.	Ông Lương Văn Lý	1.752.960	20.55%
2.	Ông Nguyễn Anh Đức	1.586.745	18.60%
3.	Bà Hồ Mỹ Hòa	1.384.375	16.23%
4.	Ông Phạm Hồng Kỳ	1.483.245	17.39%
5.	Ông Phạm Ngọc Tuấn	1.519.300	17.81%

3.2. Ban Kiểm soát:

STT	HỌ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỈ LỆ
1.	Ông Đỗ Thành Hưng	1.509.449	29.49%
2.	Ông Vũ Thái Hà	1.436.216	28.06%
3.	Ông Ngô Quốc Hùng	1.538.516	30.06%

Như vậy, sau một lần bầu cử, Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chíp Sáng đã bầu đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Quá trình bầu cử và kiểm phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát diễn ra tại Đại hội là hợp lệ và đúng luật.

Biên bản làm việc kết thúc vào lúc 19 giờ 40 phút cùng ngày và được lập thành 05 (năm) bản, với 100% thành viên Ban Kiểm phiếu nhất trí và được thông qua trước Đại hội.

THÀNH VIÊN



TRẦN KIỀU DUNG

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

THÀNH VIÊN



TRƯƠNG THỊ DIỄM CHI

THÀNH VIÊN



PHAN THỊ DIỄM TRANG

THÀNH VIÊN



NGUYỄN THỊ NHÂN

